

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 97, Chúa Nhật 12.07.2009

MỤC LỤC

Sắc Lệnh Về Nhiệm Vụ Mục Vụ Của Các Giám Mục Trong Giáo Hội (Christus Dominus) Vatican 2

THẦN KHÍ CỦA ĐỨC CHÚA NGỰ TRÊN TÔI... Lm. Giuse Lê Công Đức

THẦY MARCELVĂN Tu sĩ DCCT VN (15/3/1928–10/7/1959) Lm. Vĩnh Sang, DCCT

ĐỨC MARIA - MẸ CỦA HÀNG LINH MỤC Gm. Phêrô Nguyễn Soạn

CANH TÂN SƯ PHẠM GIAO LÝ (BÀI 2): GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH VỀ GIÁO LÝ Gioan Lê Quang Vinh

VẤN ĐỀ HÔN NHÂN ĐỒNG TÍNH VÀ TỰ DO TÔN GIÁO Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

MỘT LỜI CẦU XIN KHIÊM TỐN Bản dịch của Lm. Nguyễn Ngọc Tĩnh

ĐỪNG ĐỂ Ý THÁI QUÁ Lm. Lê Văn Quảng

GIẤC MƠ XUÂN Nhà Văn Quyên Di

SỐNG VIÊN MÃN BA LỜI KHẨN DÒNG Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

PHÒNG NGỪA RỦI RO NẶNG HẠ M.D. Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

ĐA NGHI NHƯ...TÀO THÁO - Chuyện phiếm của Gã Siêu

Sắc Lệnh Về Nhiệm Vụ Mục Vụ Của Các Giám Mục Trong Giáo Hội (Christus Dominus)

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Lời Giới Thiệu

Trong giai đoạn chuẩn bị Công Đồng, Ủy Ban đặc trách vấn đề: "Giám Mục và việc cai quản giáo phận" đã soạn thảo 7 dự án. Tháng 10 năm 1962 sau khi Công Đồng khai mạc, một Ủy Ban Công Đồng được bầu lên với nhiệm vụ thu góp vấn đề vào hai văn kiện: hai văn kiện này được kết thúc vào mùa xuân 1963. Văn kiện thứ nhất, có tính cách pháp luật, nói về các mối tương quan giữa Tòa Thánh và các Giám Mục, giữa các Giám Mục Phó và các Giám Mục Phụ Tá, giữa các Hội Đồng Giám Mục v.v... Văn kiện thứ hai có khuynh hướng mục vụ hơn, đề cập đến những điểm sau đây: nhiệm vụ của Giám Mục, nhiệm vụ mục vụ của cha chính xứ, việc dạy giáo lý cho giáo dân v.v...

Trong kỳ họp II vào mùa thu 1963, chỉ có văn kiện thứ nhất được đưa ra thảo luận. Các Nghị Phụ đưa ra nhiều nhận xét vừa phong phú vừa đích xác. Nhưng vì Công Đồng có khuynh hướng giảm lược danh sách các lược đồ, nên đã quyết định đúc kết hai văn kiện trên thành

một, đồng thời chỉ chú trọng đến các nguyên tắc hướng dẫn nhiệm vụ mục vụ. Ủy ban khởi công soạn lại một bản văn hoàn toàn mới. Sau khi đệ trình hội nghị đầu kỳ họp III, lược đồ mới này đã thỏa mãn được các Nghị Phụ.

Tuy nhiên các ngài cũng đưa ra nhiều ý kiến hào hứng. Chính vì thế đến cuối kỳ họp, bản văn vẫn chưa được công bố. Cho đến ngày 28-10-1965, trong kỳ họp IV, khóa VII bản văn mới được chính thức công bố với 2 phiếu nghịch trên 2,322 phiếu thuận.

Sắc Lệnh không có mục đích gợi lên những ý tưởng thần học mới mẻ, nhưng cụ thể hóa trên phương diện mục vụ giáo lý thần học về chức Giám Mục mà chương III của Hiến Chế tín lý về Giáo Hội đã đề cập đến. Sắc Lệnh có đặc điểm này là không ở trên lãnh vực lý thuyết, nhưng đã phác họa ra một thực hành mục vụ, đề nghị áp dụng cụ thể các sắc lệnh khác. Thật vậy Sắc Lệnh này thiết lập nhiều định chế mới: Thượng Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Mục Vụ, v.v... Do đó, trong thực tế Sắc Lệnh có tầm quan trọng đặc biệt: vì Giáo Hội được canh tân một phần lớn là do việc thi hành Sắc Lệnh này. Đó cũng là lý do tại sao Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã cho công bố nhiều tài liệu nhằm thực thi Sắc Lệnh. Đây là những tài liệu chính:

- Apostolica sollicitudo, ngày 15-9-1965, thiết lập Thượng Hội Đồng Giám Mục (AAS 1965, trg 775-780; DC 1965, 1663-1668).

De episcoporum muneribus, ngày 15-6-1966, thêm nhiều quyền hành cho Giám Mục (AAS 1966, trg 467-472; DC 1966, 1249-1254).

Ecclesiae sanctae, ngày 6-8-1966, đưa ra nhiều tiêu chuẩn thực tế cho nhiều vấn đề (AAS 1966 trg 757-787; DC 1966, 1441-1470).

Regimini Ecclesiae Universae, ngày 15-8-1967, canh tân Giáo Triều Rôma (AAS 1967, trg 885-928; DC 1967, 1441-1473).

Về Nội Dung

Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ Mục Vụ của các Giám Mục xoay quanh ba chủ đề chính:

I. Dân Chúa hay đúng hơn, **loài người**, có tín ngưỡng hay không. Dù bản văn trực tiếp liên hệ đến Giám Mục, nhưng dân chúng luôn luôn đứng hàng đầu vì chính họ là điều kiện đời sống và hoạt động của chủ chăn. Dân chúng được nhìn dưới 3 phương diện.

1) Chung kết hoạt động mục vụ của Giám Mục và hàng Linh Mục. Giáo phận trước tiên là một phần dân Thiên Chúa, chứ không phải chỉ là một lãnh thổ (Số 11 và 22). Con người là đối tượng đối thoại của Giám Mục về ơn cứu rỗi. Giám Mục được kêu gọi làm việc này (số 13). Con người có quyền hiểu biết mầu nhiệm Chúa Kitô (số 12), cũng như những nhu cầu, hoàn cảnh dân sự và xã hội của con người sẽ là những tiêu chuẩn căn bản vạch định biên giới Giáo Hội (số 23 và 39). Nói tóm lại nếu tìm một tiêu chuẩn thì tiêu chuẩn đó phải là dân chúng.

2) Đề tài của việc giáo huấn. Con người nói chung (MV 3,10-22) hay Kitô hữu nói riêng (GH 9,32...) tất cả đều mang trong mình một mầu nhiệm cần được khai sáng. Chính vì thế, các Giám Mục phải dạy cho họ biết giá trị của con người, của gia đình, của xã hội dân sự (số 12) phải được quý trọng đến mức nào, và phải làm cho giáo dân hiểu họ có bốn phận cộng tác vào việc tông đồ (số 13, 17, 30).

3) Người tông đồ bên cạnh Giám Mục và Linh Mục. Sắc Lệnh nhấn mạnh người giáo dân có quyền và bốn phận cộng tác vào việc tông đồ của Giáo Hội (số 6, 10, 14, 16, 17, 27, 30).

II. Giám Mục. Đây là chủ đề chính trong Sắc Lệnh cùng với chương III của Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, Sắc Lệnh này phác họa hình ảnh của vị Giám Mục ngày nay. Sau đây là vài nét chính:

1) Giám Mục không còn là ông hoàng đơn độc, tùy thích cai trị vương quốc bé nhỏ của mình là giáo phận: từ nay, danh từ Giám Mục trên phương diện mục vụ phải hiểu là một đa số. Ngài là thành phần trong Giám Mục Đoàn và như thế ngài phải quan tâm đến Giáo Hội phổ quát (số 3, 4, 6). Ngài là chủ chăn giáo phận nhưng liên kết với các linh mục của ngài (số 11, 16, 27, 28-30, 34). Ngài là thành phần của Hội Đồng Giám Mục Quốc Gia để phát huy di sản thiêng liêng liêng cho quốc gia (số 38). trong một thời đại được đánh dấu bằng tinh thần khoa học, kỹ thuật và hiệu năng (MV 5-7), họa hiểm lẫn Giám Mục mới đơn phương hoàn thành sứ mạng một cách thích hợp (số 37), chính vì thế Sắc Lệnh thiết lập một liên lạc chặt chẽ giữa mục vụ đối thoại (số 13, 16, 28), mục vụ cộng tác và mục vụ phối hợp (số 11, 15, 17, 18, 23, 24, 25, 27), mục vụ hiệp nhất (số 16, 18, 30, 36) và mục vụ công hiệu (số 5, 10, 25, 28, 30, 35, 37, 38, 39, 40, 42).

2) Giám Mục phải là một nhà truyền giáo. Điều này có hai ý nghĩa:

a) Cộng tác vào việc truyền bá đức tin giữa những dân tộc chưa biết Phúc Âm (số 3-6, 11, 12, 14, 16, 17, 23, 30). Cũng như các Sắc Lệnh khác, nói chung Sắc Lệnh này quả quyết việc truyền giáo phải được ưu tiên và cấp bách: hãy chú ý đến tiếng **nhất là** (số 6), **đặc biệt** (số 15), (xem thêm TG 29). Nên chú ý: Sắc Lệnh này không phân biệt Âu Châu với các Xứ Truyền Giáo. Ngay cả Xứ Truyền Giáo cũng có bốn phận truyền giáo (x. TG 20).

b) Rao giảng Phúc Âm cho mọi người, đã tin hay chưa tin, để kêu gọi họ trở về đức tin hay để phát triển đức tin của họ (số 12, xem thêm số 11, 13, 30). Rao giảng Phúc Âm là bốn phận đầu tiên của Giám Mục (số 6, 12, 13, 17, 30; xem GH 20, 21, 23, 24; MK 132, 139; MV 32, 43; TG 1, 5, 20, 29, 38 v.v...); bốn phận này trội vượt hơn các bốn phận khác (số 12; x. GH 25; TG 29).

3) Giám Mục phải là chứng nhân của Chúa Kitô. Chứng tích phải là tinh thần làm sống động mọi hoạt động của Giám Mục (số 11, 15, x. GH 21).

III. Công việc Tông Đồ. Phương diện mục vụ là nét đặc thù của Sắc Lệnh. Đây là vài nét chính:

1) Việc tông đồ phải đặt trọng tâm nơi Chúa Kitô. Nhiệm vụ của Giáo Hội là mạc khải Chúa Kitô cho thế giới, chứ không phải mạc khải thế giới cho thế giới. Vì Chúa Kitô là vị cứu tinh duy nhất, là trung tâm, là cứu cánh của lịch sử (MV 10, 22, 45; GH 7, 9; TG 8...), Giáo Hội là "dấu chỉ và bí tích cứu rỗi" (GH 1, 9, 48; TG 1, 5...), nên Giám Mục và các linh mục của ngài phải rao giảng toàn thể mầu nhiệm Chúa Kitô (số 12; TG 13). Các ngài phải là những chứng nhân của Chúa Kitô (số 11, 15) hướng dẫn giáo dân hiểu biết đầy đủ mầu nhiệm cứu rỗi (số 30), mầu nhiệm phục sinh (số 15; xem thêm MV 22).

2) Thích nghi với nhu cầu thời đại. Giáo Hội ngày nay là cho con người ngày nay. Giáo Hội có nhiệm vụ giải đáp thỏa đáng cho mỗi thể hệ những câu hỏi căn bản của con người (MV 4). Chính vì thế Giáo Triều Rôma (số 9), đời sống của Giám Mục (số 16), những công việc tông đồ (số 17), những ranh giới giáo phận (số 23), giáo phủ (số 27) v.v... phải thích ứng với những nhu cầu và hoàn cảnh không những trên lãnh vực thiêng liêng, mà ngay cả ở lãnh vực xã hội và kinh tế của con người ngày nay. Điều này càng đúng cho việc giảng dạy (số 13, 14).

3) Phải sử dụng những phương tiện khoa học, kỹ thuật của thế giới ngày nay để làm việc tông đồ. Những phương tiện phổ thông (số 13), khoa tâm lý, sư phạm (số 14; xem thêm ĐT 2, 3, 5, 11, 20), phương pháp kiểm kê xã hội và tôn giáo (số 16, 17; xem thêm MV 62). Giáo dân hiện diện trong Giáo Triều Rôma và giáo phủ là hai sự kiện minh chứng khả năng hiểu biết của họ (số 10 và 27).

còn tiếp nhiều kỳ

VỀ MỤC LỤC

THẦN KHÍ CỦA ĐỨC CHÚA NGỰ TRÊN TÔI...

- Điểm nhấn: Nếu Đức Giêsu là hiện thân của tình yêu Thiên Chúa, thì đó là tình yêu vừa phổ quát, vừa thiên vị: Ngài ưu tiên yêu thương những người nghèo, những người bất hạnh, những người tội lỗi, bị loại trừ, bị áp bức... Nhìn Đức Giêsu trong sứ vụ công khai của Ngài, ta thấy Ngài là một nhà chữa trị, nhà giải phóng.

1. Hôm nay, những lời ấy của ngôn sứ Isaia được ứng nghiệm

Sau 30 năm sống ở Nadarét, Đức Giêsu lên đường rao giảng một sứ điệp mà Ngài gọi là Tin Mừng. Ở hội đường Nadarét, Ngài cầm cuộn Kinh Thánh người ta trao cho và đọc lớn tiếng: "*Thần khí của Đức Chúa ngự trên tôi vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn. Ngài đã sai tôi đi công bố kẻ bị giam cầm sẽ được giải phóng, người mù sẽ được thấy, người bị áp bức sẽ được tự do, và công bố năm hồng ân của Chúa.*" (Lc 4,18-19)

Kẻ bị giam cầm sẽ được giải phóng, người bị áp bức sẽ được tự do! Đây không phải là nói đến sự thống trị của La Mã, nhưng là của tôn giáo. Dân chúng phải giữ hết luật này đến luật khác, xác định từng chi tiết của đời sống thường nhật. Ngoài những luật lệ đàn áp do người

La Mã, còn có một bộ luật Do Thái cả về dân sự lẫn tôn giáo. Riêng về luật tôn giáo, không chỉ có 10 Điều Răn. Còn có 631 giới răn và 365 điều cấm kỵ và hàng trăm lệnh phải tuân giữ. Dân chúng nếu không giữ nổi hết các luật ấy thì bị các vị lãnh đạo tôn giáo tuyệt thông, không cho phép đi lại với những người ngay lành khác trong xã hội. Thánh Phaolô nói rằng lẽ luật là *"gánh nặng mà con người không mang nổi."*

Và Đức Giêsu, đã trình trọng tuyên bố rằng *"Hôm nay ứng nghiệm đoạn Kinh Thánh mà quý vị vừa nghe."* Khi Đức Giêsu nói về chính mình, Ngài tự mô tả Ngài là *một người được sai đến*. Ngài nói rằng Ngài được Cha sai đến để làm một việc gì đó. Ngài không cung cấp cho các môn đệ hay bạn hữu của Ngài nhiều thông tin về đời sống bên trong của Ngài, về tính cách, hay về những yếu tố mà chúng ta vẫn thường gắn với nhân cách của một con người. Nhân cách của Đức Giêsu bộc lộ chính là qua sứ mạng mà Ngài đảm nhận, được đồng hoá với chính sứ mạng ấy. Đối với Đức Giêsu, sứ mạng không chỉ là một chức năng, một công tác hay một nghề nghiệp; đúng hơn, sứ mạng bao trùm và thấm nhập toàn thể hiện hữu và sự sống của Ngài.

Trong các Tin Mừng nhất lãm, Đức Giêsu không nói nhiều về chính mình – vì thế, những trường hợp ít ỏi mà Ngài tự bạch thật đáng để ta chú ý: *"Nào chúng ta hãy đi đến những làng khác nữa, để ta cũng sẽ rao giảng Tin Mừng ở đó. Vì chính để làm công việc này mà ta được sai đến."* (Mc 1,38). Tin Mừng thứ tư, trái lại, hướng sự chú ý của ta vào con người Đức Giêsu. Và trong bản văn Tin Mừng này, Đức Giêsu nhắc đến sứ mạng của Ngài không dưới 40 lần. Những động từ *"đến"* và *"sai đến"* xuất hiện trùng trùng. Đây là hai ví dụ: *"Các ông biết tôi xuất thân từ đâu ư? Tôi đâu có tự mình mà đến. Đấng đã sai tôi là Đấng chân thật. Các ông không biết Ngài. Phần tôi, tôi biết Ngài, bởi vì tôi từ Ngài mà đến, và chính Ngài đã sai tôi."* (Ga 7,28-29); *"Như Cha đã sai con đến thế gian, thì con cũng sai họ đến thế gian."* (Ga 17,18).

Về sau này, khi các Tông Đồ và các tác giả Tân Ước muốn đúc kết toàn bộ câu chuyện cách ngắn gọn, họ cũng đã không dùng những từ nào khác: *"Khi đã đến thời ấn định, Thiên Chúa sai Con của Ngài đến..."* (Gl 4,4); *"Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta được biểu lộ như thế này: Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian, để nhờ Con Một của Ngài mà chúng ta được sống."* (1 Ga 4,9).

Rất thường, khi Tân Ước đề cập chuyên biệt về sứ mạng thì đó là đề cập đến nguồn gốc và hướng đích của sứ mạng ấy. Nguồn gốc của sứ mạng là Chúa Cha, Đấng sai Đức Giêsu đến. Và hướng đích của sứ mạng được kể trước hết là những kẻ nghèo hèn, những kẻ bị giam cầm, những người mù, những người bị áp bức ... như chính Đức Giêsu xác nhận: *"Hôm nay ứng nghiệm đoạn Kinh Thánh mà quý vị vừa nghe."* (Lc 4,21).

Thật vậy, trong các sách Tin Mừng, những người dành được sự đặc biệt quan tâm của Đức Giêsu là những người nghèo, mù loà, què quặt, phong hủi, những người đói khát, đau khổ, những người tội lỗi, dĩ điểm, thu thuế, những kẻ bị quỷ ám, những người bị áp bức, bị chà đạp, bị giam cầm, những người vất vả khó nhọc và gánh nặng, những người ngu dốt không biết lẽ luật, những đám đông vô danh, những người bé mọn, thấp hèn, những con chiên lạc khốn khổ của nhà It-ra-en. Những con người ấy, không thể lẫn với những người khác, được Đức Giêsu gọi chung là những người nghèo hay những người bé mọn – còn những người Phariseu thì gọi những người đó là những kẻ tội lỗi. Cha Noland nói rằng người ta có thể hiểu Napoleon mà không cần hiểu đám đông khốn khổ trong thời của ông, nhưng chắc chắn sẽ không thể hiểu Đức Giêsu nếu không đặt Ngài trong bối cảnh những người khốn khổ vào thời của Ngài.

2. Đức Giêsu có thánh thiện không?

Một câu hỏi đặc biệt giúp rọi ánh sáng trên sứ mạng của Đức Giêsu, đó là: Đức Giêsu có thánh thiện không? Cứ theo sự trình bày của các sách Tin Mừng thì câu trả lời là Có và Không. Ngài không thánh thiện theo quan niệm thông thường của người đương thời về sự thánh thiện. Sự ngỡ ngàng của những người đồng hương của Ngài là bằng chứng cho điều này: *"Anh ấy học những điều đó ở đâu? Anh ấy không phải là con bác thợ mộc, lớn lên giữa chúng ta đây sao?"* Đó là một câu hỏi rất chính đáng. Thật ngỡ ngàng đối với những người cùng lớn lên với Giêsu và quen biết Ngài trong nhiều năm nhưng chưa từng thấy gì thánh thiện nơi Ngài. Bạn hãy tự hỏi mình *"làm sao Đức Giêsu sống nơi làng mạc đó lâu năm mà không lộ bản tính của mình?"* Rồi một câu hỏi nữa được đặt ra: *"Làm sao Con Thiên Chúa, hiện thân của Thượng Đế Giao Ước, sống nơi làng mạc đó bao năm mà dân chúng không thắc mắc,*

đừng nói chi đến thiên tính của Ngài?”

Thời ấy, thánh thiện có nghĩa là tỉ mỉ tuân giữ lề luật – trung thành với truyền thống và phong tục được xem là biểu thị đời sống đạo đức của Do Thái. Hình như Đức Giêsu không nghĩ vậy. Hình như Ngài có một ý niệm khác hẳn về sự thánh thiện. Hình như, thậm chí, thánh thiện theo quan niệm của Ngài thì *chẳng thánh thiện gì* theo quan niệm của người Do Thái thời ấy và có thể cả của chúng ta hôm nay.

Những người quen biết Đức Giêsu chỉ thấy Ngài là người thường như mọi người. Ngài không làm ra vẻ thánh thiện. Hơi lạ là không nơi nào trong các sách Phúc Âm nói rằng Ngài đạo đức, nhưng lại thường nói Ngài *đi đó đây làm việc thiện*. Dường như đối với Đức Giêsu thì thánh thiện thật là sống hoàn toàn như một con người, một con người được Thiên Chúa dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, thế thôi!

Dân chúng thấy gì nơi Đức Giêsu? Đây là điều quan trọng, bởi vì Đức Giêsu sống cách nào thì đó cũng là điều chúng ta phải noi theo. Ngài là “*đường, sự thật, và sự sống*” của chúng ta mà! Xem ra Đức Giêsu sống cách bình thường như mọi người trong làng. Ngài yêu mến mọi loài, từ Thiên Chúa đến loài bé nhỏ nhất, như đọc thấy trong các sách Phúc Âm. Ngài vừa đơn sơ vừa khôn khéo, điều mà Ngài khuyên các môn đệ trong một dịp nào đó. Ngài rất thông minh, cẩn mật, thận trọng, nhìn xa, hiền lành và nhân hậu, can đảm và không sợ tự vệ khi bị tấn công, như Ngài thường làm khi đương đầu với các kinh sư và nhóm Phariseu. Ngài rất dễ mến và lịch thiệp, không hay nổi giận, không làm ra vẻ ‘ta đây’, nhưng thành thực, khiêm tốn và cảm thông mọi người. Chắc chắn Đức Giêsu cũng rất tinh tế hài hước – điều này chỉ thấy được khi chúng ta hiểu những ẩn ý trong các sách Phúc Âm. Nói tắt, dân chúng thấy nơi Đức Giêsu một con người rất quân bình, sống thật là người và rất dễ gần. Đó là thánh thiện theo như Đức Giêsu nghĩ.

Đức Giêsu đã sống hoàn toàn như một con người. Và đó là một con người không lãnh đạm, không an phận, không hài lòng với cái ‘status quo’ của thế giới mà mình đang sống. Con người đó đã đương đầu với các cơ cấu tội lỗi nơi xã hội Do Thái và nơi nhân loại nói chung. Được sai đến với thế giới có nghĩa là được sai đến để đương đầu với các cơ cấu tội lỗi làm nô lệ hoá con người. Sự thánh thiện của Đức Giêsu có liên hệ mật thiết với cuộc đương đầu của Ngài đối với các cơ cấu tội lỗi này.

3. Đức Giêsu rất có thể đã nói gì với Cha?

Cha Girzone đã dệt nên lời tâm sự sau đây của Đức Giêsu với Chúa Cha. Tâm sự khá dài, có lẽ vào một đêm nào đó Ngài thức trắng:

Lạy Cha, con rất vui mừng được ở với Cha đêm nay. Con có rất nhiều chuyện để thưa. Khi con bắt đầu sứ mạng của con, dân chúng tuồn đến với con. Họ rất cảm phục thấy con chữa bệnh và an ủi họ. Họ rất cảm xúc nghe lời con nói. Con nhìn họ và thấy nước mắt trên mắt họ, nhất là khi con nói về Cha. Họ rất ngạc nhiên khi con bảo họ Cha rất hiền lành và nhân hậu và thông cảm sự yếu đuối của họ và gánh nặng mà họ phải gánh. Dân chúng đến mỗi ngày mỗi đông. Nhưng gần đây, hình như có thay đổi. Khi con nói, con thấy mặt họ ngơ ngác như không muốn tin. Khi con nói về Nước Trời, họ nghĩ đó là vương quốc của Đavít và các trận chiến với các đoàn binh La Mã. Con biết họ muốn con làm vị cứu tinh và một ngày kia con sẽ đứng lên dẫn họ đi chiến đấu. Giờ đây họ thấy con không thích những ước vọng trần thế của họ, và những phần vinh vật chất của họ trong ngàn năm qua. Khi con nói phải tích trữ kho tàng trên trời, họ nghĩ đó là vàng bạc tiền của trong các ngân hàng. Họ nhìn con với cặp mắt buồn bã. Lạy Cha, ngày kia con chuẩn bị họ chia sẻ đời sống của chúng ta. Con hoá bánh và cá ra nhiều để họ ăn. Họ thán phục lắm, thưa Cha. Thực ra họ muốn bắt con làm vua. Giuđa đã làm sẵn mũ vua. Nhưng con trốn chạy lên núi. Con bảo các môn đệ qua bên kia hồ, đi xa dân chúng. Con biết rằng Cha biết hết rồi, nhưng con cũng phải nói lên để Cha thông cảm và để nói với Cha những điều con đang trải qua. Con phải nói lên vì con là con người và con cần phải chia sẻ với người mà con yêu.

Ngày hôm sau khi gặp đám dân ấy trên bờ bên kia, con thách thức họ hãy nhìn thẳng vào bản thân mình. Con hứa sẽ hiến thân cho họ để làm thức ăn cho tâm hồn họ. Khi con nói sẽ hiến thân con làm thức ăn, họ nhìn con rất ngạc nhiên, không tin điều con nói. Khi họ hỏi lại, con quả quyết điều con nói là đúng. “Nếu các anh chị không ăn thịt tôi và uống máu tôi, các anh chị không có sự sống.” Họ lẩm bẩm với nhau: “Khó tin quá, ai mà tin được?” Rồi họ bỏ đi. Giuđa cũng không tin. Con thấy ma quỷ nhập vào nó. Nó vỡ mộng.

Lạy Cha, gần đây con cũng để ý thấy những người Saduxê và người Hêrốt nhập bọn với nhóm Pharisêu. Họ là những kẻ thù không đội trời chung với nhau. Bây giờ họ lại thân nhau. Con biết họ đang âm mưu giết con. Con thấy như vậy. Con sợ lắm, thưa Cha. Con biết không nên sợ, nhưng con đã bỏ đi thiên tính của con và giờ đây con rất yếu đuối. Con thật sự sợ hãi. Con biết rồi sẽ kết cục ra sao. Dân chúng cũng đến thưa dân, vì họ thấy bề trên không hài lòng với con hay với những gì con nói. Dân chúng sợ các giáo sĩ và các người lãnh đạo của họ. Họ tránh né con, trừ khi họ mang những người bệnh, những người tàn tật và sắp chết đến để con chữa. Lạy Cha, con chữa cho họ mặc dầu con biết nhiều người trong họ không dám gần thân với con vì sợ các giáo sĩ trừng phạt.

Lạy Cha, khi con khởi sự sứ mạng, con có rất nhiều ước mơ, có rất nhiều việc con muốn làm cho Cha. Con nghĩ là con hiểu được bản tính nhân loại và có thể chinh phục dân chúng trở về với Cha. Nhưng con không làm được. Không dễ dàng tí nào. Họ không hết lòng nghe con. Đối với họ, con là người thiếu thực tế quá. Họ muốn có một quốc gia trần thế; nhưng con chỉ có đem đến cho họ chân lý và thiện mỹ của Cha và hứa với họ rằng một ngày kia họ sẽ mãi mãi sống với Cha trong nhà Cha. Con nghĩ rằng con có thể đem họ trở về với Cha, và giành lại toàn thể giới khỏi tay Satan mà dâng cho Cha. Nhưng bây giờ con biết con không làm được. Con nghĩ rằng con thất bại. Con chưa bao giờ thất bại. Giờ đây con hiểu được thế nào là đau khổ khi con người thất bại, khi họ thất bại trong hôn nhân, thất bại trong việc lo cho gia đình, và thất bại trong việc bảo vệ con cái của họ. Con thông cảm những tâm trạng ê chề của họ. Con biết con không hẳn thất bại về những việc con đã định thi hành khi đến đây, đó là cứu rỗi thế gian bằng đau khổ và cái chết của con – nhưng còn nhiều việc con muốn thực hiện cho Cha. Giờ đây con thấy những việc này quá sức con. Con không thể làm mất tự do của con người và ép họ phải theo mệnh lệnh của con. Có lẽ với thời gian họ sẽ hiểu, nhưng phải lâu sau khi con ra đi. Con ước chi có thể làm nhiều cho Cha. Con không thể dập tắt những cảm nghĩ không tốt đẹp đó. Con sợ hãi quá. Xin Cha ở với con.

Con biết Cha luôn luôn ở bên con. Đôi khi con không cảm thấy điều đó. Con thấy rõ ràng những gì sẽ xảy ra ở Giêrusalem. Con thấy chúng đến lệ quá. Con biết Cha luôn ở bên con và nhờ đó con cảm thấy mạnh mẽ. Lạy Cha, Cha là sức mạnh của con. Xin giúp con và ở bên con vì ngày cuối cùng sắp đến. Con cần Cha hơn bao giờ hết. Xin Cha cũng giúp mẹ con. Bà sẽ đau khổ khi thấy con đau khổ. Bà thật là tốt đẹp. Cha không thể cho con một người mẹ tốt lành hơn. Xin Cha cũng nâng đỡ các môn đệ của con. Họ yếu đuối lắm. Đôi khi họ làm con lo lắng. Xin giúp họ qua mọi thử thách này. Lạy Cha, xin tha tội cho Giuđa. Con biết hẳn sẽ làm gì. Con biết hẳn không đến nỗi tệ lắm, nhưng vì hẳn say mê tiền bạc và cảm thấy mình quan trọng. Chào Cha. Con xin vâng ý Cha. Con đây, Cha muốn dùng làm gì tùy ý Cha, nhưng xin ở bên con mà nâng đỡ con.

4. Gợi ý suy tư - cầu nguyện

-Bạn nhìn lại hoàn cảnh của thế giới hiện nay, và Giáo Hội ở trong đó; bạn nhìn lại hoàn cảnh của đất nước hiện nay, và Giáo Hội Việt Nam ở trong đó... Bạn thấy sứ mạng của Chúa Giêsu đang được đảm nhận như thế nào? Nhận định riêng của bạn về những sự kiện xảy ra ít lâu nay xung quanh vụ toà khâm sứ cũ và vụ Thái Hà ở Hà Nội? Hiện nay dư luận đang xôn xao về việc nhà nước Việt Nam khai thác bóc lột ở Tây Nguyên. Bạn nghĩ gì?

-"Giáo Hội ưu tiên chọn lựa người nghèo", "Giáo Hội của người nghèo" – đó là chọn lựa của Giáo Hội ngày nay, cách riêng ở Châu Mỹ Latinh, Châu Phi và Á Châu. Sự chọn lựa này đã được hiện thực hoá như thế nào, theo bạn đánh giá? Sự chọn lựa này đã được thể hiện như thế nào tại giáo xứ, cộng đoàn của bạn?

-Lời của Đức Cha Dom Helder Camara: "Khi tôi cung cấp nhà ở cho người nghèo, người ta nói tôi là một vị thánh. Khi tôi hỏi tại sao họ phải nghèo như thế, người ta bảo tôi là một tay phản động!" Bạn đoán xem vị giám mục này mang tâm trạng ra sao khi ngài thốt lên lời ấy? Việc "cung cấp nhà ở cho người nghèo" và việc "hỏi tại sao họ nghèo" khác nhau làm sao?

-Bạn có thể kể tên 10 người nghèo đáng ghi nhận nhất trong vòng những người quen biết của bạn không? [dĩ nhiên đây là những người nghèo theo nghĩa bao hàm trong các Sách Tin Mừng].

Lm. Giuse Lê Công Đức

Đôi dòng tiểu sử:

Marcel Văn tên thật là Nguyễn Tân Văn.

Sinh ngày 15 tháng 3 năm 1928, tại Ngắm Giáo, thuộc tỉnh Bắc Ninh. Ngắm Giáo là một làng nhỏ nằm giữa Hà Nội và Hải Phòng, thuộc vùng châu thổ sông Hồng.

Rửa tội ngày 16 tháng 3 năm 1928.

Tên thánh: Gioakim.

Ngày 22 tháng 6 năm 1944, Văn nhận thư báo được vào dòng của cha Letourneau.

Ngày 15 tháng 7 rời gia đình.

Ngày 17 tháng 10 năm 1944 gia nhập lớp Dự tu với tên dòng là Marcel.

Nhận áo dòng ngày 8 tháng 9 năm 1945.

Khấn dòng ngày 8 tháng 9 năm 1946 (cùng ngày khấn với thánh nữ Têrêsa Hải Đồng Giêsu 8/9/1890).

Ngày 7 tháng 2 năm 1950 vào Saigon,

Tháng 3 năm 1952 lên phục vụ tại Đà Lạt,

Ngày 14 tháng 9 năm 1954, Văn trở về phục vụ tại Nhà Hà Nội (Hiệp định chia đôi đất nước 11/7/1954),

Ngày 7 tháng 5 năm 1955 Văn bị bắt ngoài đường phố Hà Nội, bị tra hỏi, bắt giam, tra tấn,... Rời trại giam Hỏa Lò, Văn bị đưa đi trại giam Mỗ chén cách Hà Nội hơn 50 cây số.

Tháng 8 năm 1957, Văn bị đưa đi giam ở Yên Bình, cách Hà Nội 150 cây số về hướng Tây Bắc. Rất nhiều ngày bị đánh đập, giam trong xà lim, bỏ đói, tra tấn khủng khiếp.

Tháng 6 năm 1959, Văn kiệt sức, bị lao phổi nặng,

Lúc 10 giờ ngày 10 tháng 7 năm 1959, Văn về với Chúa trong an bình.

Cuộc đời của một con người

Văn là con thứ ba trong một gia đình đạo hạnh, hai người trước là một trai và một gái. Văn còn có thêm một người em gái, tên là Anna Tể, nay là nữ tu dòng Nữ Chúa Cứu Thế tại Montreal, Canada.

Ngay từ bé, Văn đã tỏ rõ hai đặc tính, một là biết vận dụng lý trí một cách cương quyết, hai là có trí nhớ các chi tiết một cách lạ lùng.

1935 - 1940: Mang ý tưởng dâng mình cho Chúa và được gia đình ủng hộ (như chúng ta thường thấy trong các gia đình Công giáo miền Bắc), khi vừa rời tuổi thơ, Văn được gửi đến sống trong một nhà xứ (Hữu Bằng) với ý hướng học tập La ngữ và các môn học khác chuẩn bị để vào chủng viện. Nhưng mọi sự đã không xảy ra như mong muốn. Tình trạng bê bối trong nhiều lãnh vực, cách riêng trong mối quan hệ nam nữ, buông tuồng trong cách sống chung và bè phái trong tập thể gây ra tình trạng bất công trong tập thể những thanh thiếu niên sống trong nhà xứ, cùng với sự thờ ơ và nhẫn tâm của cha xứ đã đẩy Văn vào ngõ cụt. Văn đã phải chịu đựng hoàn cảnh này rất lâu, nhiều toan tính nhưng đều không thể thực hiện được.

1940: Bản tính cương quyết và thẳng thắn đã đánh bật Văn ra khỏi tập thể nhà xứ. Đúng vào lúc đó, gia đình Văn suy sụp vì làm ăn thất bại, cha Văn lâm vào nghiện ngập. Theo lẽ thói bình thường của một vùng quê toàn tông, gia đình Văn đã không chấp nhận sự trở về của Văn. Từ đó, Văn trở thành cậu bé không nhà không cửa, lang thang đầu đường xó chợ và nếm đủ mọi vị đắng cay cuộc đời. Đây là giai đoạn bi thảm nhất của Văn trong thời niên thiếu, sau này, thập giá sẽ còn cắm ngập vào đời Văn một cách sâu đậm hơn nữa. Tuy nhiên, chúng ta thấy rõ bàn tay Chúa dẫn đưa những ai đặt lòng trông cậy nơi Chúa, Chúa chẳng bỏ rơi bao giờ. Văn đã đi qua những khổ đau nhất của cuộc đời, nhưng bàn tay Chúa vẫn đỡ nâng Văn. Sau này Văn ý thức điều đó hơn ai hết.

1941 - 1942: Được gia đình đón nhận lại trong ý hướng trở lại nhà xứ Hữu Bằng, một lần

nữa, Văn trở về địa ngục trần gian. Lần này, Văn khôn khéo hơn để có thể đi hết quãng đường niên thiếu. Hết sức khôn khéo và kiên trì, Văn lần lượt vượt qua sự đổ kỵ và bè phái. Văn khép mình vào một sự chịu đựng liên li để cố gắng đi đến đích, tránh va chạm và luôn chịu sự thua thiệt. Mãn thời kỳ niên thiếu, Văn được gia nhập Chứng viện Lạng Sơn. Nhưng chỉ được 6 tháng, Chứng viện phải đóng cửa vì chiến tranh và vì thiếu nguồn lương thực tiếp tế. Có những người bạn của Văn thời đó hiện nay còn sống như cha già Khấn đang nghỉ hưu ở Cali, Hoa Kỳ. Bổng thập giá không bao giờ khuất trên đường Văn đi.

Trong khoảng thời gian này, Văn làm quen được với chị thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu, mối tình thân thiết giữa Văn và Têrêsa rất sâu đậm. Qua nhật ký Văn để lại cho biết, Văn đã từng trò chuyện thân mật với Têrêsa. Mọi băn khoăn Văn đều tâm sự với chị và nghe được những lời khuyên bảo khôn ngoan từ chị thánh. Chị Têrêsa trở thành người linh hướng vững chắc cho Văn, chị trở thành người chị mến yêu của Văn. Chính chị thánh Têrêsa đã hướng dẫn Văn trên con đường dâng mình cho Chúa, đặc biệt trong việc tìm đến với Dòng Chúa Cứu Thế trong ơn gọi trợ sĩ (tu sĩ không chức linh mục). Khi Văn bày tỏ ý muốn làm người trợ sĩ trong Dòng, cha bề trên lấy làm ngạc nhiên về một cuộc chọn lựa dứt khoát không do dự của Văn. Ngài biết đâu Văn đã có vị linh hướng khôn ngoan tuyệt vời của Thiên Chúa.

1944 – 1954: Văn tìm đến với Dòng Chúa Cứu Thế và dần thân trong Dòng Thánh. Lần lượt phục vụ tại Saigon rồi lên Đalat. Sau ngày đất nước chia đôi, ngược dòng người chạy trốn cộng sản vào Nam, Văn được bề trên sai trở lại Hà Nội, cùng với Cha Giuse Vũ Ngọc Bích, thầy Clemente Đạt giữ đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp Thái Hà. Khi trở về Hà Nội để sống trong chế độ Cộng sản, trong nhật ký Văn để lại, với ý nghĩ riêng, Văn rất ngán ngấm phải về lại Hà Nội khi đoàn người lũ lượt bỏ đi. Văn cũng rất ái ngại chế độ với chủ trương vô thần, nhưng vì đức vâng lời, Văn đã cầu nguyện và Văn tự nhủ: "Tôi đến Hà Nội để ít nhất **có một người yêu Chúa ở giữa những người cộng sản**".

Đức vâng lời và lòng thánh thiện đã giúp Văn tiếp tục khám phá ra ơn gọi của mình, nhận biết thánh ý Chúa trong hoàn cảnh riêng tư của mình. Văn đã biết và can đảm, quảng đại thi hành. Văn muốn trở thành muối, Văn muốn trở nên men. Văn đã sống tận cùng thân phận làm muối và men của mình.

Qua nhật ký của Văn, người ta nhận ra Văn đã đến một giai đoạn vắng bóng chị thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu. Thì ra, khi Văn đã đạt tới đỉnh cao của sự kết hiệp với Chúa Giêsu, người linh hướng khôn ngoan tuyệt vời đã âm thầm rút lui. Không còn đọc được những cuộc trao đổi với Têrêsa nữa mà chỉ còn là những trao đổi thân tình với Chúa Giêsu. Từ giai đoạn này, Văn đã nói chuyện với Chúa Giêsu như nói với một người bạn, một người anh, một người cha dấu yêu của mình, Văn ngoan ngoãn khép mình trong lời dạy bảo của Chúa, ngọt ngào, êm đềm, nhưng cũng không ít đắng cay. Chúa vẫn luôn dành thập giá cho người Chúa yêu mến.

Ở Hà Nội, Văn trung thành với những công việc hàng ngày do cha Bề trên giao phó. Cảnh hỗn loạn và những lời lộng ngôn làm Văn rất đau khổ, nhưng bây giờ Văn đã học được cách sống thân mật với Chúa. Văn đã biết chăm bón cho đời mình chờ ngày nở hoa trên thập giá. Một hôm, Văn có việc phải đi sửa chiếc xe Mobylette, Văn bị bắt ngay sau một cuộc đối thoại tại chỗ Văn sửa xe. Người ta nói một điều sai về chế độ ở Saigon, Văn thấy không đúng nên lên tiếng **bảo vệ sự thật**. Thái độ thẳng thắn và trung thực đã đưa Văn vào lao lý.

Trong các trại tù, cho dù vô cùng khổ cực, Văn vẫn một lòng trung thành với Chúa, trung thực với chính mình và hết lòng yêu thương Hội Thánh. Các lá thư của Văn gửi ra bằng nhiều cách đã cho chúng ta nhiều tin tức quý báu. Người ta chỉ muốn Văn nhận tội làm gián điệp để kết án Văn, nhưng Văn không nhận vì đó là sai sự thật. Người ta lại muốn Văn nhận làm báo cáo viên cho họ để theo dõi cha Bề trên, nhưng Văn cương quyết không nhận. Người ta còn chiêu dụ Văn gia nhập nhóm "công giáo yêu nước" để chống lại Giáo Hội, đời nào Văn nhận làm điều đó. Văn đã phải trả giá rất đắt cho những lập trường của mình.

Cả cuộc đời Văn đã làm chứng cho tình yêu, một tình yêu duy nhất, trọn vẹn và dâng hiến. Tình yêu duy nhất này chỉ dành cho Thiên Chúa và Hội Thánh của Người.

Hai ý tưởng từ cuộc đời Văn đáng làm cho chúng ta suy nghĩ :

- Có một người yêu Chúa ở giữa những người cộng sản.

- Lên tiếng và bảo vệ sự thật.

Viết ngày 4 tháng 5 năm 2009 (năm kỷ niệm 50 năm ngày Văn qua đời: 10/7/1959).

Lm. Vĩnh Sang, dcctvn

VỀ MỤC LỤC

ĐỨC MARIA - MẸ CỦA HÀNG LINH MỤC

Một người không thể thiếu trong đời sống linh mục, đó là Đức Mẹ Maria, Mẹ của Hàng Giáo Sĩ, Mẹ của Hàng Linh Mục.

Mỗi người trong chúng ta đều mang trong mình những tiêu chuẩn để chọn lựa người mình yêu thích. Platon, triết gia Hy Lạp cổ có nói: "Hiểu biết là nhớ lại những gì trong kiếp trước". Phát biểu này không đúng trên phương diện tri thức, nhưng có phần sự thật nếu người ta muốn áp dụng trong lãnh vực con tim. Bởi lẽ tình yêu, thiện cảm bắt đầu bằng một ước mơ. Điều này có nghĩa là chúng ta thường có trong đầu óc những tiêu chuẩn, những mẫu người mình yêu chuộng. Những suy tư, những kiểu cách, những kinh nghiệm, những ước vọng mà ta có sẵn, giờ đây gặp một người hội đủ những điều mà ta đã có trước, bỗng nhiên ta thấy thiện cảm với người đó ngay.

Nói cách khác, người mà tôi ưa thích thường giống cha, giống mẹ hay giống những ai được tôi coi là tiêu biểu, là lý tưởng, cũng như nghe một bản nhạc quen thuộc, bao giờ cũng thấy thích thú hơn là nghe một bản nhạc hoàn toàn xa lạ. Người có tâm hồn yên tĩnh, thích những bản nhạc êm dịu, người có tâm hồn náo hoạt thì ưa thích nhạc kích động v.v... Một kiến trúc sư nào đó vạch sẵn trong con tim chúng ta những sơ đồ, những mẫu yêu, mẫu ghét, những lý tưởng cần phải đạt...

Thiên Chúa cũng vậy, Ngài đã có những kiểu mẫu trước khi tạo thành vũ trụ: nào là hoa, là chim, là cá, muôn loài, muôn vật, là mùa xuân, là ánh sáng.. Một đóa hoa hồng trở thành đóa hoa hồng là vì Chúa muốn thế. Nhưng khi tạo dựng con người, Chúa lại có hai hình ảnh: một hình ảnh cho con người nguyên sơ và hình ảnh thứ hai là lý tưởng con người cần phải đạt tới. Bản nhạc đã được chép sẵn nhưng đòi phải có nhạc công giỏi thực hiện, thì bài nhạc mới đạt được đỉnh cao của nghệ thuật. Thiên Chúa đã dành cho con người khả năng hiện thực những ước mơ Ngài đặt để nơi con người. Đi vào con đường Ngài vạch sẵn, chúng ta đạt đến chân hạnh phúc, đi trệch con đường ấy, là ôm mỗi bất hạnh. Đi ngoài chương trình kế hoạch của Thiên Chúa, quả là bi đát bởi lẽ làm như thế, có khác nào quả trứng lăn ra khỏi cánh gà mẹ, thiếu hơi nóng của tình Chúa ấp ủ, trở nên ung thối, không đạt được sự sống và triển nở xinh tươi. Do đó mà chúng ta phải luôn điều chỉnh cuộc đời, bằng cách đồ lại đời chúng ta theo những khuôn mẫu Chúa đã đặt để. Gương mẫu tuyệt vời nhất, là Chúa Kitô, Đấng mà chúng ta đã nhiều lần suy gẫm để rút ra căn tính của mình. Nhưng khuôn mẫu ấy đối với chúng ta quá lý tưởng, quá cao vời, nhiều khi chúng ta cảm thấy chơi vơi. Do đó mà Chúa Quan Phòng ban cho chúng ta một gương mẫu khác, gần gũi chúng ta hơn, đó là Mẹ Maria. Nơi Mẹ, Thiên Chúa rất hài lòng vì Ngài đã gặp thấy mọi tiêu chuẩn Ngài đề ra. Đức Mẹ là tình yêu đệ nhất, tình yêu cao đẹp nồng thắm hơn hết mọi tình yêu ở trần gian này.

Chúng ta đều biết Mẹ Maria là Mẹ của nhân loại, Mẹ của Giáo Hội và là Mẹ của mọi người chúng ta. Đặc biệt từ khi Chúa trời Thánh Gioan cho Đức Mẹ, Mẹ đã trở nên, theo một ý nghĩa đặc thù, là Mẹ của hàng giáo sĩ, Mẹ của các linh mục, những Kitô thứ hai.

Đề cập đến nghĩa vụ và quyền lợi của hàng giáo sĩ, Giáo luật điều thứ 276 triệ 2, số 5 có dạy: giáo sĩ phải sùng kính Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa.

Những người con hiếu thảo thường ra sức bắt chước mẹ mình trong mọi việc, nhất là luôn nghe lời mẹ chỉ dạy. Thánh Luy Montfort, vị thánh tôn sùng Đức Mẹ cách đặc biệt, đã cho chúng ta một suy tư thấu đáo và ngộ nghĩnh khi chú giải đoạn 27 sách Khởi Nguyên. Bài suy tư này phỏng theo sách nhan đề: "Luận về sự sùng kính chân thật Đức Trinh Nữ

Maria", chương VI tựa đề "Rebecca và Giacob, nhân vật điển hình của đời sống tận hiến trong Kinh Thánh".

Khi Esau bán quyền trưởng nam cho em là Giacob, bà Rebecca, mẹ của Giacob, rất yêu quý người con này, nên đã lo liệu cho Giacob được hưởng quyền lợi của người con cả do một kế hoạch tuyệt hảo và bí nhiệm. Số là sau đó mấy năm, Ysaac thấy mình đã già, nên muốn chúc lành cho các con trước khi nhắm mắt. Ysaac gọi Esau, người con yêu của ông và bảo: "Con đi sẵn về dọn cho Cha một bữa ăn, để dịp này cha chúc phúc cho". Bà Rebecca vội báo tin cho Giacob hay sự việc, rồi bảo Giacob bắt hai con dê tơ trong chuồng, cấp tốc, bà nấu dọn cho chồng món ăn mà ông ưa thích. Bà lấy áo con cả ướp thuốc thơm và mặc cho Giacob, lấy da dê quấn cổ, quấn tay con để cho Ysaac mù lòa, nếu có nghi ngờ về giọng nói, ông sẽ yên lòng khi sờ tay và cổ Giacob đầy lông và cho đó là Esau. Đúng vậy, khi nghe giọng nói, ông nghĩ là Giacob, liền kêu lại gần, ông sờ tay đầy lông, ông nói ngay: "Giọng nói thì của Giacob, mà tay là tay Esau". Ăn xong, ông cúi xuống hôn con, ông lại nghe áo con nức mùi hương thơm, ông không ngần ngại chúc phúc: cho sương trời đổ trên đồng phì nhiêu, đặt Giacob làm chủ tài sản ông để lại và chúc phúc như sau: "Ai chúc dữ con, người đó sẽ bị chúc dữ; ai chúc lành cho con, người đó sẽ được dồi dào ân phúc".

Ysaac vừa dứt lời, thì Esau bước vào, bưng món thịt rừng đã sẵn được, mời cha ăn và xin chúc phúc. Ysaac quá ngỡ ngàng, biết ngay việc gì đã xảy ra; nhưng lạ thay, ông không rút lời, trái lại, ông còn xác nhận việc chúc phúc vừa qua, vì thấy rõ có bàn tay phép tắc của Chúa can thiệp vào. Kinh Thánh thuật lại Esau tru trếu man dại, tố cáo Giacob là lường gạt và nài nỉ xin Cha mình một phép lành thừa. Động lòng trắc ẩn, Ysaac chúc cho Esau được phúc ở đời này, nhưng phải lụy phục Giacob. Thế là Esau căm thù Giacob và ta biết Giacob thoát chết là nhờ nghe và thi hành lời khuyên khôn ngoan của mẹ.

Các giáo phụ và các nhà chuyên môn Kinh Thánh đã đồng ý cho rằng Giacob tiêu biểu cho Chúa Giêsu và các linh mục, những người tận hiến, còn Esau tượng trưng cho kẻ dữ. Esau có thân hình lực sĩ, có biệt tài bắn cung, săn được nhiều thú rừng, sống phiêu lưu, ít về nhà, ỷ lại tài sức của mình, không bao giờ giúp việc nhà, không cần biết đến mẹ là bà Rebecca, không bao giờ để ý làm vui lòng mẹ già. Tham ăn đến nỗi đổi quyền trưởng nam lấy đĩa cháo đậu.

Đây đúng là những hành vi của kẻ dữ: họ tin tưởng nơi sức lực của mình, cậy tài khôn tài khéo, rất sáng suốt trong chuyện đời, nhưng lại yếu đuối và mù mờ trong việc đạo đức. Do đó họ ít ở nhà, không chịu đi vào nội tâm, không ẩn mình nơi cung thầm của lòng mình, của linh hồn mình, không chịu noi gương Chúa Giêsu, Đấng luôn ở trong Thiên Chúa Cha. Kẻ dữ không thích đời nội tâm, mà lại làm náo động nội tâm người khác. Họ cho những người sống âm thầm đạo đức là những kẻ có đầu óc hẹp hòi, kém xã giao, ngớ ngẩn. Kẻ dữ không nghĩ đến việc tôn sùng Mẹ Maria. Họ tự hào là mình giao thiệp trực tiếp với Thiên Chúa, coi việc sùng kính Đức Mẹ như việc đàn bà trẻ con.

Trái lại Giacob, người sinh sau, thân hình mảnh mai, hiền lành, ôn hòa, luôn ở nhà hầu hạ mẹ. Có ra khỏi nhà cũng là do lệnh mẹ, không ỷ tài khôn khéo, luôn vâng lời mẹ, hoàn toàn tin yêu phó thác vào kế hoạch của mẹ.

Người lành, những người con yêu của Mẹ Maria, các linh mục cũng xử sự như thế đối với Mẹ Maria: thích ở nhà, ưa tĩnh tâm, ưa sống đời sống nội tâm, chuyên chăm cầu nguyện. Chúng ta biết hầu hết các linh mục sa ngã đều khởi sự từ việc bơ thờ trong đời sống nội tâm, dần dần thấy lạt lẽo trong lời cầu và sau đó là lặn xuống triền dốc.

Hãy so chiếu đời mình với đời Mẹ. Ở Nazareth hay ở Cana, Mẹ vẫn luôn gắn bó với Chúa và luôn cầu nguyện, luôn tham khảo ý kiến Chúa Giêsu. Những linh mục chân chính không ham quyền chức, địa vị, không tìm kiếm vinh quang bên ngoài, mà chỉ thích sống đời ẩn dật như chính Mẹ Maria, như chính Chúa Giêsu lúc còn ở Nazareth, phục tùng Mẹ Maria và thánh cả Giuse.

Trên đây là một vài nét chú giải của Thánh Luy Montfort giúp chúng ta so chiếu đời chúng ta với Giacob. Đa số chúng ta là những người cao tuổi, không còn được tình mẹ trần gian ấp ủ. Đáng lẽ chúng ta là những người bất hạnh, nhưng chúng ta có một người mẹ

trên trời là Đức Maria. Để hiểu được sự quý báu của người Mẹ ấy, chúng ta có thể đi từ những tình mẹ thông thường để rồi kết thúc nơi tình mẫu tử thiêng liêng và nồng thắm của Mẹ Maria.

Tục ngữ Việt Nam chúng ta có câu: "Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ lót lá mà nằm". Ai trong chúng ta lại không xót xa khi thấy một em bé mồ côi mẹ? Mất mẹ là mất một kho tàng quý báu nhất trên đời. Biết bao lời ca tụng mẹ trong văn chương, trong văn nghệ, trong đời sống thường nhật, trong trái tim của mỗi người con hiếu thảo. Người ta còn bảo nhiều người trước khi tắt thở là cõi đời này, đã ứa nước mắt kêu lên tiếng "mẹ ơi".

Tình mẹ không thể nào thiếu vắng trong đời người, bởi vì nó bao la như biển Thái Bình, nghĩa mẹ lai láng như nước trong nguồn chảy ra. Mẹ chẳng những cần cho sự hiện hữu và sinh tồn của cuộc đời, như sữa, như đường, như cơm, như bánh, mà còn như những món ăn đặc sản, mang lại hương vị mặn mà thơm ngon cho cuộc sống, như chuối, như mật, như gia vị...

Nếu là một điều tối cần thì tình mẹ phải được lý tưởng hóa để muôn đời con người chiêm ngưỡng, bắt chước và tri ân. Trong Phật giáo tình mẹ được kết tụ nơi Quan Thế Âm Bồ Tát. Tinh thần ấy cũng ảnh hưởng rất nhiều nơi các bà mẹ Á Đông.

Lúc xảy ra chiến tranh Trung - Nhật, một số người Triều Tiên tham gia kháng chiến, có một trường hợp đáng thương. Người mẹ Triều Tiên có một đứa con bị thương nặng tại chiến trường: tai điếc, mắt mù, miệng liên tục kêu gào, xin cho gặp được mẹ trước khi chết. Đường từ nhà anh thương binh sang chiến trường phải đi mất tám ngày mới tới. Trong những ngày đầu, bất cứ người nữ y tá nào đến gần anh cũng tưởng là mẹ mình, nên chụp lấy, nhưng lúc nào cũng bị tháo gỡ, chối từ. Nên cuối cùng, anh đã nản lòng. Những ngày sau, anh không còn tin mẹ mình có thể đến được nữa, nên đã gào thét thảm thiết và đành sống trong tuyệt vọng, chờ đón tử thần. Sau cùng, bà mẹ đã đến, bà vội ôm con vào lòng, nhưng người thương binh cứ tưởng là cô y tá nào đó, nên đã hất tung mẹ anh ra. Trước cảnh thương tâm đó, mọi người đều ghen ngào, mọi phương tiện đều đi đến bế tắt, vì anh vừa điếc lại vừa đui, làm sao nghe được lời phân giải, làm sao thấy được người mẹ bằng xương bằng thịt đứng trước mặt anh. Nhưng tình mẹ đã phát minh một phương cách diệu kỳ. Không xấu hổ, ngại ngùng trước một tập đoàn đông đảo bác sĩ, y tá, bà vạch áo, đặt vú mình vào miệng anh. Người con trai yêu của bà lúc này đã hiểu, chỉ có bà mẹ mới can đảm làm như vậy, và anh thương binh đã ôm chầm lấy mẹ, mặt mày rạng rỡ, tràn đầy niềm vui pha lẫn hy vọng trước thương tích hầu như vô phương cứu chữa. Bà mẹ Triều Tiên này quả đã phát minh phương thức cứu sống con trai bà.

Chúng ta cũng có một người mẹ tuyệt vời, không thể thiếu được và vẫn luôn đồng hành với chúng ta, đó là Đức Mẹ Maria. Đây không phải là bà mẹ trong các tiểu thuyết hay trong các kịch bản, mà là một bà mẹ trong lịch sử, trong cuộc đời, bà mẹ đầy đau khổ đã ngậm nuốt muôn nghìn đắng cay, đặc biệt trên đồi Canvê, dưới chân thập giá, chứng kiến cái chết tủi nhục của người Con duy nhất của mình.

Thánh Gioan trong Phúc Âm thứ tư, đoạn 19 từ câu 25 đến hết câu 27, có thuật lại: "Thấy thân mẫu và tông đồ mình thương đứng bên cạnh, Chúa Giêsu nói với Mẹ Người "Thưa bà này là con bà" và nói với môn đệ "Đây là mẹ con".

Cứ thường tình thì việc một người sắp đi xa, trời người mình thương mến cho người khác là phải lẽ. Trường hợp ở đây, ai cũng hiểu là Đức Maria không còn người con nào ngoài Chúa Giêsu, nên sau cái chết của Chúa, Mẹ sẽ không có ai phụng dưỡng và do đó mà Chúa trời Mẹ lại cho người tông đồ Chúa yêu là Gioan. Nhưng có điều lạ là tại sao Chúa không trời Đức Mẹ lại cho người họ hàng, mà lại trời cho người đứng; hơn nữa thứ tự trời trần lại đảo lộn: trời thánh Gioan trước cho Đức Mẹ, rồi mới trời Đức Mẹ lại cho thánh Gioan; lại còn dùng từ ngữ trịnh trọng: "Thưa bà". Ngăn ấy yếu tố đã đủ để cho các nhà Kinh Thánh và thần học chú giải cách khác với quan niệm thông thường và cổ điển.

Từ thế kỷ thứ XII, và nhất là thế kỷ thứ XV, các nhà Kinh Thánh và thần học thấy rằng khi nói: "Thưa Bà, này là con bà", Chúa Giêsu đã chính thức đặt Đức Maria làm Mẹ thiêng liêng cho toàn thể nhân loại; đặc biệt qua Gioan, Mẹ làm mẹ của hàng giáo sĩ. Quả thật, người môn đệ đứng bên cạnh mẹ không phải chỉ là Gioan, mà là người đại diện cho

toàn thể nhân loại, đại diện cho các linh mục, mà Chúa Giêsu đã muốn phó thác vào cánh tay hiền mẫu của Mẹ.

Nếu muốn gởi gắm Mẹ mình cho Gioan, việc gì Chúa phải nói: "Thưa Bà, này là con Bà?". Chúa chỉ cần nói: "Gioan, đây là Mẹ con" và nói với Đức Mẹ: "Thôi Mẹ ở lại, có Gioan lo".

Ở đây, Chúa lại dùng thành ngữ "Thưa Bà" làm ta nhớ lại bữa tiệc cưới Cana, hôm đó, Chúa cũng nói với Đức Mẹ: "Thưa Bà, giờ tôi chưa đến". Đức Mẹ xin Chúa làm phép lạ, tức là hối thúc Chúa sớm tỏ mình ra, sớm sống đời công khai và sớm hoàn thành công trình cứu chuộc nhân loại, nên Chúa mới trịnh trọng thưa Bà; giờ đó đã điểm trên Đồi Canvê, và một lần nữa, Chúa lại nói: "Thưa Bà". Lần này, Chúa giao nhân loại, giao tất cả chúng ta cho Đức Mẹ, để từ đây, Đức Mẹ chính thức là mẹ chúng ta, mẹ của nhân loại, trong cuộc chiến chống lại rắn dữ và ma quỷ, điều Thiên Chúa đã tiên báo trong Tiên Phúc Âm Sách Khởi Nguyên đoạn 3 câu 15: "Ta sẽ đặt người đàn bà đối chọi với người. Dòng dõi Người sẽ đạp đầu người và người sẽ rình cắn gót chân Dòng dõi ấy". Dòng dõi này, trước tiên là Chúa Giêsu, sau là nhân loại, mà Mẹ là người mẹ toàn năng trong lời cầu, là Đấng Đồng Công cứu chuộc, là trung gian các ơn...

Quả thật như xưa Adam và Evà dưới cây trái cấm đã lỗi phạm, đưa nhân loại vào cảnh điêu linh, Evà đã trở thành mẹ kẻ chết, thì nay Adam mới bị treo trên cây trường sinh là cây thập giá, và Mẹ Maria là Evà mới, mẹ của những người sống, mẹ của nhân loại, mẹ của chúng ta.

Nhưng chúng ta đừng tưởng rằng chỉ đến giây phút quyết liệt trong đời Chúa, Đức Mẹ mới trở thành Mẹ nhân loại. Không, Mẹ đã thụ thai nhân loại ngay từ lúc nói tiếng "xin vâng" ở Nazareth, khi sứ thần truyền tin, bởi lẽ Đức Mẹ bằng lòng mang nhân tính đến cho Chúa Giêsu và suốt những năm dài tại thế, Mẹ đã cứu mang nhân loại trong khổ đau, từ biến cố Bêlem đến Núi Sọ, và giờ đây trên đồi Canvê, Mẹ chính thức được truy nhận.

Mọi tình mẫu tử kỳ diệu trên trần gian này đều cô đọng nơi Đức Maria. Trong biến cố truyền tin, Mẹ đã nói lên tiếng xin vâng với lòng tin yêu phó thác, mặc dầu Mẹ rất thiết tha với Đức Trinh Khiết. Trong cuộc sống âm thầm ở Nazareth, Mẹ đã hy sinh rất nhiều để nuôi dưỡng Chúa Giêsu, nguyên nhân cứu rỗi đời đời cho nhân loại. Ngày cuối cùng của đời Chúa, Mẹ đã can đảm dâng con trọn vẹn vì nhân loại. Là Đấng Đồng Công Cứu Chuộc, Mẹ đã là Mẹ chúng ta khi sinh chúng ta ra trong đau khổ của Mẹ, để ban cho chúng ta đời sống ân sủng, và ngày nay, Mẹ vẫn tiếp tục nuôi dưỡng chúng ta bằng những ơn Mẹ đã lãnh được qua trung gian của Mẹ.

Trong khi suy gẫm về tình mẹ của Mẹ Maria, chúng ta phải tự hỏi mình đã làm gì để tỏ ra là những người con hiếu thảo của Mẹ. Hãy noi gương các nhân đức của Mẹ, hãy bắt chước Mẹ cách trung thành và hãy làm chứng cho mọi người thấy tình ân mẫu của Người.

Để kết thúc bài suy niệm này, tôi xin kể ra đây một câu chuyện đơn sơ nhưng nhiều ý nghĩa.

Một chú bé nghèo khổ, quần áo tả tơi, không biết chữ o tròn hay méo, lê đôi chân gầy đi đến một khu phố nghèo nàn ở Paris, thủ đô nước Pháp. Chú ấy tên là Gioan, 6 tuổi, đi tìm một ông lão tên là Bouin, cũng nghèo, sống bằng nghề viết thư mừng. Chú bé vào nhà, lễ phép cúi chào cụ già, chú làm gọn, vì cả chiếc mũ đội đầu chú cũng không có. Ông già hỏi chú: "Cháu muốn gì?" Chú lễ phép thưa: "Cháu muốn viết một lá thư". Ông già bảo chú trả 10 xu. Chú bé ngập ngừng rồi thưa: "Xin lỗi cụ, cháu không có tiền". Nói xong chú thất thểu ra đi. Ông già ngó theo thương hại, kêu ngược lại: "Ê bé, mày không có 10 xu sao? Mày con ai?" Chú từ tốn đáp: "Dạ cháu là con của mẹ cháu". Ông già nói: "Vậy là ta hiểu rồi, cháu không có 10 xu, mẹ cháu cũng không có, vậy thì viết thư để xin chút cháo phải không?" Chú bé khẽ gật đầu. Ông già nói tiếp: "Được rồi, vào đây ông viết hộ cho". Ông Bouin trầm nghĩ, hy sinh chút mực, nửa tờ giấy thì cũng chẳng làm mình nghèo thêm đâu. Ông lấy giấy ra, cầm bút, chấm mực, viết chữ thật đẹp: "Paris, ngày tháng năm... Kính thưa ông...", ông đọc lại cho chú bé nghe và bảo muốn viết gì thì nói để ông viết tiếp. Chú bé ập ứng: "Dạ không phải ông". Ông lão gạn hỏi: "Không phải ông, thì bà?" Chú bé thưa: "Dạ Bà, mà cũng không phải". Ông Bouin thấy bức mình, ông bắt đầu cáu gắt: "Đã không biết ai để gởi, mà lại còn đòi viết thư". Chú bé lấy hết can đảm thưa: "Cháu muốn

viết thư cho Đức Mẹ Maria". Không cười nữa, ông già nghiêm nghị nói: "Ta không cho là may mắn chế nhạo lão già này, hãy ra khỏi cửa, xéo đi gấp". Chú bé ngoan ngoãn bước ra khỏi cửa, đôi chân đầy bụi và rướm máu. Thấy chú bé quá hiền, ông già động lòng trắc ẩn gọi chú trở lại và quan sát nét mặt chú bé. Ông lúng búng: "Chà! lắm kẻ nghèo đói ở Paris này". Ông hỏi chú bé: -"Tên cháu là gì?" -"Dạ, tên cháu là Gioan". "Gioan gì nữa?" - "Dạ Gioan thôi ạ". "Nhưng cháu muốn thưa gì với Đức Mẹ?" - "Dạ, cháu muốn thưa với Người là má cháu đã ngủ từ bốn giờ chiều hôm qua, xin Người đến đánh thức má cháu dậy, cháu không làm sao gọi má cháu dậy được".

Con tim cụ già nhói lên trong lồng ngực vì ông sợ phải hiểu sự gì đã xảy ra. Ông hỏi tiếp: -"Mà tại sao lúc này cháu bảo viết thư xin chút cháo?" Chú bé trả lời: -"Dạ đúng như vậy, trước khi ngủ, má cháu cho cháu miếng bánh cuối cùng. -"Còn mẹ cháu ăn gì?" -"Đã hai ngày rồi, má cháu không ăn gì, má cháu nói má không đói." -"Như vậy trước giờ khi cháu muốn gọi má cháu dậy thì cháu làm gì?" -"Dạ cháu chỉ ôm má cháu". -"Nhưng lần này thì cháu thấy sao?" -"Má cháu lạnh lắm, nhà cháu cũng lạnh lắm, hai tay má cháu bất động và đang chắp trên ngực, mặt má cháu trắng bệch."...

Ông già trầm nghĩ: chà, tôi đang thu tiền, tôi đang ăn no, tôi đang uống ngon, mà bên cạnh tôi, lại có người đàn bà chết đói.

Ông gọi đứa bé lại bên ông, đặt nó ngồi trên gối và nói hết sức dịu dàng: -"Cháu ơi, thư cháu đã được viết rồi, được gửi đi rồi và đã được nhận rồi. Hãy dẫn ông đến nhà má cháu". -"Được, cháu sẽ dẫn ông tới, nhưng tại sao ông lại khóc? Gioan ngạc nhiên hỏi cụ già như thế. Ông già trả lời: "Ông đâu có khóc". Nhưng ông ôm ghì đứa bé vào lòng, nước mắt tràn trề chảy xuống trên nó. Đàn ông ai lại khóc? Ông đứng lên và dường như ông đang nói với người vô hình: "Bà mẹ đáng thương ơi, bà hãy vui lên. Các bạn tôi có nhạo cười, tôi cũng mặc. Bà ở đâu, tôi muốn đi thăm và dẫn đứa bé này về, thiên thần bé nhỏ đáng thương này, nó sẽ không bao giờ lìa xa tôi nữa, bởi vì lá thư không được viết kia có hai kết quả: là cho cháu bé một người cha và cho tôi một tấm lòng"

Câu chuyện đến đây là hết, chúng ta không biết người đưa thư nào đã mang những loại thư chưa viết này đi, nhưng lá thư ấy đã thấu tới trời, đến tận ngai tòa Đức Trinh Nữ Maria, nên đã có kết quả thật cảm động như chúng ta vừa nghe. Chớ gì mỗi người chúng ta để cho Mẹ đánh động con tim và thực thi bác ái như cụ già Bouin đối với bất cứ Gioan nào chúng ta gặp trên cuộc đời đầy gian lao đau khổ này. Chớ gì Mẹ Maria luôn là nguồn bác ái đối với chúng ta, như bà mẹ ruột tuy ở xa, nhưng lại gần.

Chớ gì tình cảm và lòng sùng kính của chúng ta đối với Mẹ mãnh liệt, thiết tha, nồng thắm như tình cảm của Đức Hồng Y Wysinski đối với mẹ ruột của Ngài, như có lần Ngài bày tỏ: "Tôi đây đã tám mươi tuổi, mà mỗi lần kêu đến tên mẹ, là tim tôi hồi hộp, miệng tôi run lên".

+ GM Phêrô Nguyễn Soạn VietCatholic News (28/02/2005)

VỀ MỤC LỤC

CANH TÂN SỰ PHẠM GIÁO LÝ (BÀI 2): GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH VỀ GIÁO LÝ

Thi hành sứ mạng làm ngôn sứ, Giáo Hội không những giảng dạy dân Chúa trong các nghi thức phụng vụ, nhưng Giáo Hội còn ý thức trách nhiệm loan truyền ơn cứu độ qua các lớp giáo lý dưới nhiều hình thức khác nhau. Qua dòng thời gian, các đấng có thẩm quyền trong Giáo Hội, với quyền giáo huấn của mình, đã khuyên dạy và hướng dẫn các giáo lý viên về cách thức dạy giáo lý sao cho phù hợp và hiệu quả nhất. Ở thời đại này, giáo lý viên cần đọc kỹ cũng như nghiền ngẫm bản Tóm Lược Học Thuyết Xã Hội Công Giáo và Tông huấn Catechesi Tradendae để nắm vững những điều mình phải làm trong khi thi hành công cuộc rao giảng cao cả của mình.

I. HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO VÀ GIÁO LÝ

1. Học Thuyết Xã Hội Công Giáo là gì ?

Tin Mừng rõ ràng trình bày cho chúng ta công cuộc cứu độ toàn diện của Đức Kitô, Ngôi Lời nhập thể. Người không chỉ cứu rỗi phần linh hồn con người, nhưng giáo lý của Người còn nhấn mạnh đến thực tại trần gian khi Người giải thoát con người khỏi những ưu tư, buồn khổ và bệnh tật. Giáo Hội theo bước chân Thầy của mình cũng rao giảng giáo lý ơn cứu độ toàn diện ấy. Nhưng có một thời, vì nhiều lý do, Giáo Hội có vẻ chăm chú vào sự sống đời sau mà thôi. Những người chống đối Giáo Hội có cơ để chỉ trích Giáo Hội cách này cách khác. Ở Việt nam cũng có một “thợ làm thơ” đã viết những lời châm biếm đại khái chuông nhà thờ ru ngủ con người. Thật ra, vào thế kỷ 18, 19, khi công nghiệp kỹ thuật phát triển và xã hội thay đổi nhanh chóng, bao vấn đề về con người nảy sinh, thì Giáo Hội đã lên tiếng mạnh mẽ hơn về các vấn đề xã hội, như Đức Hồng y Angelo Sodano, Bộ Trưởng Ngoại giao Tòa Thánh đã viết: “Suốt dòng lịch sử Giáo Hội và đặc biệt trong mấy thế kỷ gần đây, Giáo Hội – theo lời Đức Lêô XIII – đã không ngừng nói lên tiếng nói của mình về những câu hỏi liên quan đến cuộc sống trong xã hội. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tiếp tục công bố và cập nhật di sản về Học thuyết Xã hội Công giáo. Về phần mình, ngài đã công bố ba thông điệp quan trọng – *Laborem Exercens*, *Sollicitudo Rei Socialis* và *Centesimus Annus* – trình bày những bước cơ bản của tư tưởng Công giáo trong lĩnh vực này.”

Để giới thiệu Học Thuyết Xã Hội Công Giáo, Đức Hồng y Angelo Sodano viết tiếp: “Nhiều giám mục trên toàn thế giới trong giai đoạn gần đây đã đóng góp những hiểu biết sâu hơn về Học thuyết Xã hội Công giáo qua các công trình của họ. Vô số những học giả trên các lục địa cũng vẫn đang làm như vậy. Vì thế, chúng ta hy vọng rằng một bản tóm lược thu thập tất cả các chất liệu trên và trình bày một cách hệ thống, sẽ giới thiệu những điều cơ bản của Học thuyết Xã hội Công giáo. Thật đáng ca ngợi khi Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình (*) đã đảm nhận nhiệm vụ này và đã cố gắng hết sức mình cho công trình trong những năm gần đây. Tôi rất vui mừng khi thấy cuốn “Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo” được xuất bản, và cùng chia sẻ với Đức Hồng y (*) niềm vui mừng được trao gửi tập sách đến tất cả tín hữu và những người thiện chí như một thứ lương thực cần thiết để phát triển nhân cách và tinh thần, cho mọi cá nhân và mọi cộng đồng. »

Ghi chú ()* Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Chủ tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Công lý và Hoà Bình, đã có sáng kiến đưa ra bản Tóm Lược này.

2. Học Thuyết Xã Hội Công Giáo nói gì về việc dạy giáo lý ?

Học Thuyết Xã Hội Công Giáo trình bày chiều kích xã hội của giáo lý Đức Kitô. Trong viễn tượng này, giáo lý phải đào tạo các tín hữu thành những con người yêu mến Đức Kitô và biết góp phần xây dựng xã hội trần thế. Khi áp dụng Học Thuyết vào việc giảng dạy, giáo lý viên sẽ khơi mở cho người học cách sống Lời Chúa cụ thể với tinh thần trách nhiệm và biết liên đới trong đời sống mình. Một ví dụ cụ thể: Khi dạy về đức công bằng, giáo lý viên nhắc “không được trộm cắp” và “nếu ăn cắp vật gì của ai thì phải xưng tội và phải trả lại mới được tha tội”. Nhưng Học Thuyết Xã Hội dạy rằng công bằng còn là chia sẻ cái mình đang có cho người thiếu thốn. Như vậy, chia sẻ là nghĩa vụ công bằng trước khi là hành động bác ái. Hơn nữa, nếu chúng ta không chia sẻ của cải, để cho người khác chết đói, là chúng ta phạm tội giết người. (cf. Công Đồng Vatican II, Hiến chế Giáo Hội trong Thế Giới Hôm Nay, số 65). Còn nhiều những lời dạy khác của Hội Thánh mà giáo lý viên không chú ý và như vậy, không hoàn tất lời giảng của mình.

Huấn quyền Hội Thánh nhấn mạnh các điểm sau đây về việc áp dụng Học Thuyết Xã Hội Công Giáo vào giáo lý:

- “Cần phải tham khảo học thuyết xã hội của Giáo Hội để đào tạo Kitô hữu biết hội nhập trọn vẹn.” (chương XII, khoản 528)

- “Giá trị đào tạo của học thuyết xã hội của Giáo Hội cần được quan tâm hơn trong việc dạy giáo lý. Giáo lý là việc giảng dạy có hệ thống về toàn bộ học thuyết Kitô giáo, nhằm dẫn dắt các tín hữu sống trọn vẹn Tin Mừng. Mục đích cuối cùng của giáo lý “là đưa con người không chỉ tiếp cận được mà còn hiệp thông mật thiết được với Đức Giêsu Kitô”. Theo đường hướng này, người ta có thể nhận ra tác động của Chúa Thánh Thần, là Đấng ban tặng đời sống mới trong Đức Kitô.” (chương XII, khoản 529)

- "Trong bối cảnh của việc dạy giáo lý, điều quan trọng trên hết là phải giảng dạy học thuyết xã hội của Giáo Hội thế nào để thôi thúc người học làm cho các thực tại trần thế thấm nhuần Tin Mừng và mang tính nhân bản."(chương XII, khoản 530)

II. TÔNG HUẤN CATECHESI TRADENDAE

1. Tông huấn Catechesi Tradendae là gì ?

Từ ngày 30/9 đến ngày 29/10/1977, Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới, triều đại Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, đã nhóm họp lần thứ 4 với chủ đề « Việc Giảng dạy Giáo Lý trong Thời đại Chúng ta » và ban hành Tông huấn Catechesi Tradendae, kim chỉ nam cho việc dạy giáo lý thời đại mới. Tông huấn gồm có chín chương, nêu rõ các nguyên tắc : tầm quan trọng của việc dạy Giáo Lý trong Hội Thánh, Đức Giêsu Kitô là Thầy, nguồn mạch Thánh Kinh, phương tiện giảng dạy Giáo Lý v.v...

2. Tông huấn Catechesi Tradendae dạy gì ?

Chúng tôi xin lược trích vài điểm chính yếu nhất trong Tông huấn như sau đây. (Xin đọc toàn văn Tông huấn trên các website của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, Ủy Ban Giáo Lý Việt Nam tại Hoa Kỳ, hay của Giáo Phận Nha Trang...)

- "Hội Thánh luôn luôn coi việc dạy Giáo Lý là một trong những công tác chính của mình, bởi vì trước khi lên cùng Cha Người sau khi phục sinh, Đức Kitô đã ban cho các tông đồ một mệnh lệnh cuối cùng, là hãy làm cho muôn dân trở thành môn đệ, và dạy họ tuân giữ tất cả những gì Người đã truyền."

- "Mục đích chính và thiết yếu của việc dạy Giáo Lý, theo cách diễn tả mà Thánh Phaolô, cũng như môn thần học hiện đại thích nhất, là *"Mầu Nhiệm Đức Kitô"*. Dạy Giáo Lý là một cách dẫn dắt một người để họ học tất cả các khía cạnh của mầu nhiệm này: *"để làm cho mọi người thấy chương trình mầu nhiệm... hiểu biết cùng với các thánh cái gì là chiều rộng, chiều dài, chiều cao cùng chiều sâu... biết rằng tình yêu của Đức Kitô vượt trên mọi kiến thức... (và được đổ đầy) bằng tất cả sự sung mãn của Thiên Chúa."*

- "Chúng ta phải nói rằng trong việc dạy Giáo Lý, chúng ta giảng dạy về chính Đức Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể và Con Thiên Chúa, - mọi điều khác đều được dạy qui chiếu về Người - và cũng chỉ có một mình Đức Kitô là Đấng giảng dạy - người nào khác giảng dạy cũng chỉ vì người ấy là phát ngôn viên của Đức Kitô, để Đức Kitô dùng môi miệng mình mà giảng dạy. Dầu ở mức độ trách nhiệm nào đi nữa trong Hội Thánh, mọi Giáo Lý viên phải luôn cố gắng truyền thụ bằng lời giảng dạy và cách sống của mình giáo huấn và đời sống của Chúa Giêsu."

- "Chúa Giêsu đã dạy. Chính những chứng từ mà Người làm cho chính mình: *"Hằng ngày Tôi đã ngồi giảng dạy trong đền thờ."*^[16] Chính những quan sát đầy ngưỡng mộ của các Thánh Sử, ngạc nhiên khi thấy Người dạy khắp nơi và mọi lúc, dạy bằng một cách thể và với một uy quyền mà chưa ai từng biết đến. (...)Đấng giảng dạy cách này đáng được tôn phong bằng một tước hiệu "Thầy".độc đáo. Trong toàn thể Tân Ước, nhất là trong các sách Tin Mừng, biết bao nhiêu lần người ta đã gọi Người là Thầy!"

- "Đối với Kitô hữu, Thánh Giá là một trong những hình ảnh siêu phàm và phổ thông nhất của Đức Kitô là Thầy. Tất cả những suy nghĩ này, là những suy nghĩ theo các truyền thống vĩ đại của Hội Thánh, và tất cả cùng cố lòng nhiệt thành của chúng ta đối với Đức Kitô, là Vị Thầy tỏ lộ Thiên Chúa cho loài người và con người cho chính họ, vị Thầy vừa cứu chữa, vừa thánh hoá và hướng dẫn, là Đấng vừa sống, vừa nói, vừa khích lệ, di chuyển, sửa sai, xét xử, tha thứ, và đồng hành với chúng ta mỗi ngày trên đường lịch sử, là vị Thầy đang đến và sẽ đến trong vinh quang. ***Chỉ nhờ kết hợp mật thiết với Người mà các Giáo Lý viên có thể tìm thấy ánh sáng và sức mạnh cho một canh tân Giáo Lý chính hiệu và đáng mong ước."***

- "Các hoạt động Giáo Lý có thể được thực hiện trong các hoàn cảnh thuận tiện đúng chỗ và đúng lúc, và phải có thể sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng và những dụng cụ thích hợp (...) Tôi mạnh mẽ cùng các Nghị Phụ trong Thượng Hội Đồng lên tiếng phản đối tất cả mọi kỳ thị trong lãnh vực dạy Giáo Lý, đồng thời cũng khẩn thiết kêu gọi các nhà cầm quyền hãy chấm dứt hoàn toàn những sự kiểm chế tự do con người nói chung, và tự do tôn giáo nói riêng."

- “Phải là một sự giảng dạy có hệ thống, không tùy hứng, nhưng phải có chương trình để đạt đến một mục đích rõ ràng;”

- “Việc dạy Giáo Lý chân chính luôn luôn là một sự dẫn nhập có thứ tự và hệ thống vào mặc khải, là Thiên Chúa đã ban Chính Mình cho nhân loại trong Đức Chúa Giêsu Kitô, một mặc khải được khắc ghi sâu đậm trong ký ức Hội Thánh và trong Thánh Kinh, cùng được liên tục thông truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác bằng một truyền thống sống động và linh hoạt. Tuy thế, mặc khải này không được tách ra khỏi đời sống, hay chỉ được đặt cách nhân tạo cạnh đời sống.”

- “Việc dạy Giáo Lý tự bản chất được nối kết với toàn thể hoạt động phụng vụ và bí tích, vì chính trong các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, mà Đức Chúa Giêsu Kitô hoạt động một cách viên mãn cho việc biến đổi con người.”

- “Việc dạy Giáo Lý còn mở ra cho động lực truyền giáo. Nếu việc dạy Giáo Lý được thực thi tốt đẹp, các Kitô hữu sẽ hăng say làm chứng cho Đức Tin của họ, truyền thụ Đức Tin ấy cho trẻ em, làm cho người khác biết đến nó, và phục vụ cộng đồng nhân loại bằng mọi cách.”

“Trong việc dạy Giáo Lý, điều quan trọng là dạy về những quyết tâm cá nhân trong lãnh vực luân lý để sống theo Tin Mừng, và những thái độ Kitô, dù anh hùng hay rất đơn giản trước cuộc đời hay trước thế gian - điều mà chúng ta gọi là các nhân đức của Phúc Âm.”

- “Nên nhấn mạnh đến vấn đề cuối cùng về phương pháp đã được Thượng Hội Đồng Giám Mục bàn luận khá nhiều, đó là học thuộc lòng. Việc dạy Giáo Lý Kitô trong những thời gian đầu tiên, trùng hợp với nền văn hoá đặc biệt truyền khẩu, nên dùng đến trí nhớ rất nhiều. Từ đó việc học Giáo Lý được biết là có một truyền thống học các chân lý căn bản bằng phương pháp thuộc lòng. Tất cả chúng ta đều ý thức rằng phương pháp này có thể có một số bất lợi, ít là nó đưa đến việc thiếu hiểu biết hay không hiểu biết gì cả; nó biến tất cả mọi kiến thức thành công thức được lập đi lập lại mà không hiểu chính xác. Các bất lợi này và những đặc tính khác của nền văn hoá mà chúng ta có ở vài nơi đưa đến việc hoàn toàn loại bỏ – theo một số người là dứt khoát phải loại bỏ - việc học thuộc lòng trong môn Giáo Lý. Nhưng trong Đại Hội của Thượng Hội Đồng Giám Mục, chúng ta nghe được một số tiếng nói có thẩm quyền kêu gọi phục hồi một sự cân bằng cách thận trọng giữa sự suy nghĩ và bộc phát, giữa đối thoại và im lặng, giữa việc viết và việc học thuộc lòng. Hơn nữa một số nền văn hoá còn rất tôn trọng việc học thuộc lòng.”

- “Tôi muốn gieo thật nhiều can đảm, hy vọng và sự hăng say trong lòng tất cả những người khác nhau có nhiệm vụ dạy về tôn giáo và huấn luyện về đời sống qua việc làm theo Tin Mừng.”

- “Khi thi hành sứ vụ dạy Giáo Lý, Hội Thánh - cũng như mỗi cá nhân Kitô hữu hiến thân cho sứ vụ ấy trong Hội Thánh và nhân danh Hội Thánh - phải ý thức rõ ràng rằng mình hành động như một công cụ sống động và mềm dẻo của Chúa Thánh Thần. Phải cầu khẩn Thánh Thần này không ngơi, hiệp thông với Ngài, cố gắng hiểu biết những gì Ngài thật sự linh hứng, đó phải là thái độ của Hội Thánh và của mỗi Giáo Lý viên.”

“Đức Mẹ Maria, Mẹ và Mẫu Gương của Môn Đệ. Khi Chúa Giêsu ngồi trong lòng Mẹ, và sau này khi Người nghe lời Mẹ trong suốt đời ẩn dật tại Nadareth, người Con này, là *“Con Một từ Chúa Cha”*, *“đầy ân sủng và chân lý”*, được Mẹ đào luyện kiến thức nhân loại về Thánh Kinh và lịch sử của chương trình Thiên Chúa dành cho dân Ngài, và trong sự tôn thờ Đức Chúa Cha.^[ii] Còn Mẹ lại là môn đệ đầu tiên của Chúa. Mẹ là môn đệ đầu tiên trong thời gian, bởi vì ngay cả khi Mẹ tìm thấy người con còn niên thiếu của Mẹ trong đền thờ Mẹ đã học được của Người bài học mà Mẹ giữ kín trong lòng. Mẹ là môn đệ đầu tiên trên những người khác vì không ai đã *“được Thiên Chúa dạy”* Ở một chiều sâu như thế. Mẹ *“vừa là Mẹ vừa là môn đệ”* như Thánh Augustinô đã nói về Mẹ, mà còn dám nói thêm rằng đối với Mẹ, việc làm môn đệ của Mẹ quan trọng hơn làm Mẹ. Cho nên không phải là vô lý khi trong Thượng Hội Đồng có những tôn vinh Mẹ là *“một sách Giáo Lý sống”* và là *“Mẹ và gương mẫu của các Giáo Lý viên”*.

III. KẾT LUẬN

Dạy giáo lý là giảng về Đức Kitô, Ngôi Lời nhập thể bằng chính Lời của Người. Giáo Hội

được Chúa giao sứ vụ cai quản các kho tàng mẫu nhiệm và ơn phúc, cho nên Giáo Hội có thẩm quyền và có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cách thức giảng dạy giáo lý. Khi đọc kỹ các văn kiện Toà Thánh liên quan đến việc giảng dạy này, giáo lý viên đã có đầy đủ những nét sư phạm chính yếu cho công việc của mình. Việc dạy giáo lý không đơn giản như truyền giảng những kiến thức khác ở đời, mà là chiếu toả ánh sáng Đức Kytô, do đó giáo lý viên phải gần bó với Người qua Thánh Thần của Người, qua Giáo Hội do Người sáng lập và gìn giữ, và qua Mẹ Maria Đấng đã được tôn vinh là có phúc vì đã vâng giữ Lời Người. Nhà thơ Xuân Diệu khi viếng đôi Bửu Châu, Trà Kiệu đã viết vào sổ vàng kỷ niệm ngày 20/5/1983:

*"Trưa hôm nay con ngồi như trẻ nhỏ,
Giữa đây trưa, trong lòng Mẹ vô cùng.
Con là sáo, Mẹ là ngàn vạn gió,
Mẹ là trời, con là hạt sương rung. ..."*

Giáo lý viên là nhà thơ ca ngợi kỳ công Thiên Chúa, chỉ thành công khi có Mẹ là "ngàn vạn gió" làm tiếng sáo vang lên.

(Bài 3: Thánh Kinh và Giáo Lý)

Gioan Lê Quang Vinh samuelypn@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

VẤN ĐỀ HÔN NHÂN ĐỒNG TÍNH VÀ TỰ DO TÔN GIÁO

Truyền thông báo chí và dư luận quần chúng, nhất là phía tôn giáo hiện đang xô sao tranh cãi rất nhiều về vấn đề hôn nhân đồng tính. Thời cổ lịch sử con người thì nó không phải là vấn đề cần phải bàn cãi mà đương nhiên nó là một tội. Chúa đã trừng trị thẳng tay, giết chết tất cả dân một thành phố vì tội tà y trời này chỉ trừ gia đình ông Lot (Gen.19: 1-20). Tên thị trấn Sodom đã trở thành một tội danh. Nhưng ngày nay thì người ta lại coi nó là tự nhiên. Hôn nhân đồng tính đã được hợp pháp hóa ở một số nước và tiểu bang Hoa Kỳ. Tuy nhiên người ta vẫn còn tranh luận bàn cãi nhiều, bởi lẽ nó đã đụng đến những vấn đề khá tế nhị về văn hóa, phong tục tập quán, luân lý và đạo giáo.. ...

Ngày 26-5-09, tối cao pháp viện California đã chấp nhận đạo luật số 8 cho phép thay đổi hiến pháp tiểu bang mà trước kia hôn nhân buộc vợ chồng phải là hai người nam và nữ.

Với đạo luật này, tối cao pháp viện tiểu bang đã thả lỏng luật định trước kia để hợp thức hóa hôn nhân đồng tính. Trước đó ít tuần, ba tiểu bang khác cũng công nhận hôn nhân đồng tính. Như vậy Hoa Kỳ đã có 5 tiểu bang chấp nhận hôn nhân đồng tính, không kể California, là Massachusetts, Connecticut, Maine, Vermont và Iowa.

Tờ Washington Post ngày 27 - 5 - 2009 đã nêu rõ 4 tiểu bang thuộc miền Đông Bắc Hoa Kỳ, trừ Iowa, đã công nhận hôn nhân đồng tính là do quyết định của tối cao pháp viện tiểu bang chứ không phải cơ quan lập pháp.^[1]

Một trong những vấn đề khá quan trọng khi đem vấn đề này ra tranh luận là **Tự Do Tôn Giáo**. Trên tờ New York Times ngày 23-5-09 ông Peter Steinfels đã cho biết là đề nghị hợp thức hóa hôn nhân đồng tính ở New Hampshire đã phải ngưng lại vì thống đốc tiểu bang chỉ ký ban hành luật nếu có bảo đảm chắc chắn tự do tín ngưỡng nơi các cơ sở tôn giáo. Ủy ban tài chính hạ viện cũng tán thành ý kiến của thống đốc. Việc này rồi sẽ có ảnh hưởng lớn ở những tiểu bang khác, chẳng hạn như New York....

TỰ DO TÔN GIÁO

Vậy thì hôn nhân đồng tính sẽ gây ảnh hưởng tai hại thế nào về vấn đề tự do tôn giáo? Vấn đề này đã được nêu ra trong một cuộc hội luận dưới sự bảo trợ của Hội Đồng Pew về Tôn Giáo và Đời Sống Công Cộng.

Trong bản tường thuật về cuộc hội luận được công bố ngày 21 tháng 5 năm 2009, các giáo sư Robert W. Tuttle và Ira "Chip" Lupu của trường Đại học luật khoa thuộc viện Đại học George Washington đã nêu lên những thắc mắc liên quan đến vấn đề này.

Những người chống hôn nhân đồng tính e ngại rằng giảng huấn chống lại đồng tính luyến ái của các tôn giáo có thể bị qui kết vi phạm tội hình sự.

Những quan ngại khác liên quan đến các cơ sở tôn giáo như nhà thương và đại học... Họ cũng sợ rằng họ sẽ bị bắt buộc phải cung cấp những nhu cầu hoặc đòi hỏi của những cặp đồng tính luyến ái như hiện nay họ đang làm cho những cặp vợ chồng bình thường.

Đây không phải chỉ là vấn đề lý thuyết suông mà đã trở thành thực tế. Năm 2006 cơ quan bác ái công giáo ở Massachusetts đã ngừng không cung cấp dịch vụ con nuôi vì luật chống kỳ thị của tiểu bang thay đổi, buộc các cơ sở môi giới phải giới thiệu con nuôi cho những cặp "vợ chồng" đồng tính.

Một mặt khác nữa liên quan đến các cơ sở thương mại tư và cá nhân, chẳng hạn những người cung cấp dịch vụ cưới hỏi hoặc cho thuê vườn địa điểm để tổ chức liên hoan mừng tiệc cưới...., vì lý do tôn giáo họ không chấp nhận hôn nhân đồng tính....

Trong phần bình luận, hai vị giáo sư này đã công nhận là về phương diện luật pháp, những ý kiến chống đối hôn nhân đồng tính vì lý do tôn giáo rõ ràng là chưa được trải nghiệm một cách rộng rãi. Bằng chứng là tại tòa án các cuộc tranh cãi vẫn luôn luôn đặt vấn đề nhằm vào câu hỏi là các tiểu bang có chấp nhận hôn nhân đồng tính hay không?

TÔN GIÁO CẦN ĐƯỢC BẢO VỆ

Theo như một bài báo trên tờ Washington Post ra ngày 10-4-2009 thì cho đến nay những chống đối có tính cách tôn giáo vẫn không được tòa án hoan nghênh cho lắm. Chẳng hạn như những vụ kiện sau đây:

- Một nữ nhiếp ảnh viên là Kito hữu đã bị Hội Đồng Dân sự ở New Mexico buộc phải trả \$6,637 tiền phí tổn luật sư vì đã từ chối không chụp hình cho một cặp hôn nhân đồng tính trong buổi hôn lễ.
- Một bác sĩ tâm lý ở Georgia đã bị mất việc vì từ chối với lý do tôn giáo không chịu cổ vũ chỉ biểu cho một cặp đồng tính luyến ái cách đối xử sinh sống với nhau như là vợ chồng.
- Nhóm bác sĩ Kito giáo chuyên khoa hiếm muộn ở California, vì từ chối không chịu cấy thai cho một thân chủ đồng tính luyến ái với lý do tôn giáo đã bị tối cao pháp viện kết án.
- Một tổ chức sinh viên Kito giáo đã không được trường Đại học Luật Khoa ở UCA công nhận chỉ vì họ không chấp nhận là thành viên bất cứ ai thực hành hôn nhân ngoài nguyên tắc cổ truyền.
- Một tổ chức giới thiệu hôn nhân trên mạng lưới điện tử là **eHarmony** do nhà truyền giáo Kito Neil Clark Warren đã phải đồng ý giới thiệu bạn đồng tính luyến ái cho khách hàng vì ông bị một người đàn ông ở New Jersey kiện về tội kỳ thị.

Vì những khó khăn phiền toái đó mà báo Los Angeles Times ngày 3-5-2009 trong một bài góp ý đã kêu gọi cần phải có pháp luật bảo vệ nhiều hơn nữa cho những người vì lý do tôn giáo mà chống đối hôn nhân đồng tính. Theo Robin Wilson, giáo sư luật đại học luật khoa Washington và Lee University thì hiện nay không có tiểu bang nào có đầy đủ luật lệ để bảo đảm cho tự do tôn giáo khi hợp thức hóa hôn nhân đồng tính. Tuy nhiên giáo sư Wilson cũng công nhận là ở Connecticut và Vermont lập pháp đã có những điều khoản cho phép chống đối tùy theo lương tâm, nhưng các dự luật vẫn không bảo vệ được đầy đủ cho những người như cổ vũ hôn lễ, tổ chức tiệc cưới hỏi và nhiếp ảnh gia.

Ông nói: "Vì những luật lệ này vẫn chưa được rõ ràng dứt khoát và đầy đủ, nên nhiều người vẫn có thể chọn lựa giữa lương tâm và kể sinh nhai".

LUẬT BÌNH ĐẲNG VÀ VIỆC THÂU DỤNG NHÂN VIÊN

Về vấn đề nhân viên trong các cơ sở tôn giáo, tại Anh quốc người ta cũng đang tranh cãi khá sôi nổi. Báo Telegraph ngày 20-5-09 nêu trường hợp có nhiều giáo hội, cơ sở tôn giáo đã bày tỏ quan ngại, e rằng luật mới cấm kỳ thị sẽ buộc họ phải thu nhận nhân viên đồng tính luyến ái.

Sang năm thì luật sẽ thực sự được áp dụng, nhưng các cơ sở tôn giáo vẫn hy vọng họ sẽ được miễn trừ. Nhưng sự mong đợi đó đã bị tiêu tan tại một hội nghị mới đây sau khi bà Maria Eagle, mục sư đặc trách về quyền bình đẳng đã cho biết luật sẽ áp dụng cho hầu hết các nhân viên, công nhân của tất cả các giáo hội và cơ sở tôn giáo. Vẫn theo tờ Telegraph, "Trường hợp -bà nói- các cơ sở tôn giáo không thi hành luật bình đẳng thì hiểm và cũng không có trường hợp trung dung, lưỡng chùng ở giữa, cho nên cũng chẳng đặt thành vấn đề mấy".

Trong khi Đạo luật về Bình Đẳng còn phải chờ sự phê chuẩn cuối cùng của nghị viện thì lại đưa ra những diễn giải rất hạn hẹp và mơ hồ về vai trò và chức vụ mà có thể những người đồng tính luyến ái không được đảm nhận vì bị tôn giáo phản đối. Những chức vụ này thường là dành cho những vị thi hành phụng tự, lãnh đạo tôn giáo như linh mục, mục sư....hoặc những người chuyên giảng dạy giáo lý.

Ngoài ra, ở Anh Quốc những tín hữu Kito giáo phản đối đồng tính luyến ái cũng ngày càng bị tấn công chỉ trích. Báo Daily Mail ngày 14 tháng 5 cho biết Hội Bảo Trại Con Nuôi ở Anh, một tổ chức do nhà nước tài trợ, đã gọi những người chống đối này là "*những ố nhân đần độn / retarded homophobes.*"

Vẫn theo tờ báo thì họ đã miệt thị những kito hữu này như vậy trong bản điều lệ hướng dẫn chính thức để cấp con nuôi cho những cặp đồng tính luyến ái được xuất bản bởi một cơ quan chuyên dàn xếp luật lệ và tổ chức huấn luyện cho các nhân viên xã hội trên toàn quốc.

Tờ Daily Mail đã trích lời bà Patricia Morgan, tác giả cuộc nghiên cứu những người đồng tính luyến ái nhận con nuôi như sau: "*Thật là dễ tiện và nhục nhã khi họ không muốn bàn cãi về việc những người đồng tính luyến ái muốn nhận con nuôi về cả hai phương diện nên và không nên. Họ chỉ biết lạm dụng.*"

NHỮNG BẤT CÔNG TRONG VIỆC LÀM

Thực tế gần đây cho thấy những tín hữu Kitô giáo đang phải đối diện với tình trạng bất công trong công ăn việc làm. Họ có thể mất việc làm vì chống đối hôn nhân đồng tính theo lương tâm của họ. David Booker, một nhân viên làm công tác bác ái đã bị ngưng việc không lương 2 tuần lễ sau khi bàn cãi, tỏ vẻ chống đối hôn nhân đồng tính, với một nhân viên khác cùng sở. (Theo tường thuật của tờ Telegraph ngày 11-4-2009)

Booker nhấn mạnh -tờ Telegraph kể thêm- ông không phải là người cuồng tín mà đơn thuần chỉ là diễn tả ý kiến cá nhân của ông mà thôi. Đồng nghiệp của ông cũng xác nhận như vậy với mọi người và cho biết ý kiến ông đưa ra không có gì là gây xúc phạm đến bất cứ ai hết.

Ngày 22-3-09 tờ Telegraph cũng tường thuật trường hợp chủ nhân khách sạn là Kito hữu tên Peter và Hazelmery Bull đã bị một cặp đồng tính luyến ái kiện ra tòa vì từ chối không cho họ thuê phòng.

Theo như những điều lệ mới được thêm vào Luật Bình Đẳng năm 2007 thì từ chối không cung cấp vật dụng, đồ ăn hay cơ sở, phương tiện cho một người vì lý do tính dục là vi phạm luật.

Một trường hợp khác liên quan đến nhân viên phòng hôn phối của Hội Đồng Islington ở phía Bắc Luân Đôn. Bà Lillian Ladele đã từ chối không làm nghi thức hôn phối dân sự cho một cặp đồng tính. Ra tòa bà bị kết tội kỳ thị, mặc dù khi chống án lên trên, Hội Đồng Islington đã thắng. (Theo BBC tường thuật ngày 19-12-09). Tuy nhiên, phán quyết của tòa lại ghi chú rằng không phải tất cả những thành viên trong Hội Đồng quản trị đều đồng ý với niềm tin tôn giáo của bà Ladele....

KẾT LUẬN: TƯƠNG KÍNH CẦN PHẢI CÓ HAI CHIỀU.

Người Kito hữu luôn luôn bị rắc rối, buồn phiền, đau khổ vì phải chống đối đồng tính luyến ái vì niềm tin sắt son của mình. Từ nhiều thập niên qua những người kêu gọi quyền đồng tính luyến ái đã kháng cáo, cầu cứu lên tòa trên để xin được nhân nhượng và cảm thông. Ngày nay phẩm cách con người xem ra đang xuống cấp một cách thảm thương nhưng họ lại càng ngày càng đạt nhiều thắng lợi hơn về mặt pháp lý.

Xã hội con người ngày càng trở nên văn minh. Nhưng là văn minh đi lên hay văn minh đi xuống?

Quyền được Tự Do, Bình Đẳng và Tôn Trọng Pháp Luật là cần thiết và cao quý. Nhưng sự tương kính cũng luôn luôn cần phải có cả hai chiều.

Fleming Island, Florida 25-6-2009
NTC

[1] Theo nguyên tắc, Tối cao pháp viện / Tòa án có nhiệm vụ giảng giải và cắt nghĩa luật, còn quốc hội/cơ quan lập pháp mới có quyền làm ra luật. Ở đây TCPV lại tự động làm ra luật thì phải chăng là đã lạm dụng quyền?

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh

VỀ MỤC LỤC

MỘT LỜI CẦU XIN KHIÊM TỐN

*(Một linh mục đã đọc mỗi ngày trong 30 năm liên.
Trong Lectures pour chaque jour de l'année p. 663)*

Lạy Chúa, để danh Chúa được rạng rỡ vinh quang,

xin rộng ban cho con ân huệ này

là chỉ đau khổ

vì đã làm cho người khác đau khổ,

và chỉ vui mừng

vì đã giúp anh em con bớt cực khổ hơn :

Và để giúp anh em con bớt cực khổ hơn.

Xin ban cho con một tinh thần mềm dẻo

để con chấp nhận tỏ ra mình yếu đuối

hoặc không người bênh đỡ

hơn là làm phiền lòng hay chà đạp người khác.

Xin ban cho con một tinh thần ngay thẳng,

để con không bao giờ hiểu theo nghĩa xấu

một điều người khác đã làm con phiền lòng.

Xin ban cho con một tinh thần đơn sơ,
để con không trở nên gánh nặng
cho những người đang sống chung quanh con.

Xin ban cho con một tấm lòng hăng hái,
để con luôn cởi mở
đối với những người có thể ghét bỏ, ganh tị, phân bì con.

Xin ban cho con một tấm lòng khiêm tốn,
để con không trở nên cứng cỏi
trước những lời chỉ trích,
trước những việc làm không ngay thẳng,
trước những lời kết án nghiệt ngã hay vội vàng.

Xin ban cho con một tấm lòng rộng mở,
để con chịu đựng những ai có óc hẹp hòi,
những người ích kỷ đến độ không sao chịu nổi.

Xin ban cho con một ý chí vững vàng,
để con mãi kiên tâm,
dẫu có phải mỏi mệt, dẫu có gặp thái độ vô ơn.

Xin ban cho con một ý chí dai bền,
để anh em con được hạnh phúc,
dẫu họ có khuyết điểm, dẫu họ có yếu đuối.

Xin ban cho con một ý chí luôn toả sáng,
để chung quanh con,
không có ai chán nản, không có ai ngã lòng.

Xin ban cho con đừng bao giờ phê phán khi chưa đủ bằng cứ,
và khi phải phê phán,
thì luôn luôn khoan hậu, nhân từ.

Xin ban cho con đừng bao giờ tin vào điều xấu
mà có người đã nói về những ai vắng mặt,
và nhất là đừng bao giờ lặp lại điều xấu đó.

Và trên hết mọi sự,
xin Chúa dạy con biết để tai nghe,
biết đoán ý người khác,
biết tha thứ không ngừng.

Lạy Chúa, xin ban cho con những ân huệ đó,
để anh em con bớt cực khổ vì con. A-men.

Bản dịch của Lm. Nguyễn Ngọc Tĩnh

VỀ MỤC LỤC

ĐỪNG ĐỂ Ý THÁI QUÁ

Gia đình đang đi nghỉ hè xa nhà trong một túp lều bên bờ hồ. Ông bố ra ngoài câu cá và bà mẹ trong căn bếp đang sửa soạn bữa ăn. Cô bé Thanh Tuyền 2 tuổi đứng ở cửa trước gọi:

- Má mi!
- Sao con? -
- Má mi!
- Sao con?
- Má mi
- Sao con?

Bà mẹ đi đến chỗ đứa con và nói:

- Cái gì vậy? Con muốn đi bách bộ hả? Chờ một chút.

Bà mẹ trở lại bếp. Cô bé vẫn đứng yên đó, mặt ịn vào cửa kính.

- Má mi!
- Sao con?
- Má mi!
- Sao con?
- Má mi!
- Sao con?

Cô bé quen gọi một lúc ba lần như vậy. Bà mẹ lại trở ra với nó.

- OK, bây giờ con và mẹ đi bộ một lúc, nhưng mà mẹ còn phải chuẩn bị bữa ăn tối nữa.

Bà mẹ nắm tay cô bé, giúp nó bước xuống bậc cấp, và đi bách bộ với nó.

Cô bé không đến với mẹ. Nó gọi mẹ đến với nó. Bà mẹ đã đáp lời. Bà đã chịu theo những đòi hỏi không thích hợp của cô bé. Đứa trẻ tìm sự chú ý ngay tức khắc là một đứa trẻ không

có hạnh phúc. Nó cảm thấy ngoại trừ nó được chú ý, nó sẽ mất giá, không có chỗ đứng. Nó tìm kiếm sự tái khẳng định tức khắc rằng nó là quan trọng. Vì nó nghi ngờ, nên không có con số nào có thể làm nó vững tâm. Mẹ nó chú ý nó. Một lúc sau nó lại hỏi:

- Mẹ có để ý đến con không? Con vẫn còn đáng được chú ý phải không?

Đây là một vòng nghi ngờ không bao giờ chấm dứt. Một tình cảnh thật đáng thương. Bà mẹ có cách nào giúp được?

Khi cô bé Thanh Tuyền thành công trong việc làm cho mẹ nó đáp trả mỗi lần nó gọi, sự đáp trả ấy trở thành bức tường vây kín. Không còn có chỗ cho những giá trị khác. Cô bé sẽ làm gì nếu bà mẹ từ chối không đáp lại những đòi hỏi không mấy thích hợp đó. Chắc chắn sau một lúc phản ứng, nó sẽ khám phá những cách thể khác để có cảm giác mình vẫn thuộc về. Có thể cô bé cần sự giúp đỡ để tìm được phương cách xây dựng, nếu không, sự tìm kiếm của nó có thể dẫn đến hành vi phá hoại hơn. Người mẹ có thể ý thức và biết được hành vi nào là thích hợp. Bà mẹ chứng tỏ mình thiếu tự trọng khi bà cho phép con bà bắt bà phục dịch như một người nô lệ. Bà cũng tỏ ra thiếu trọng kính con mình khi bà tỏ ra nghi ngờ khả năng của đứa con nếu không có sự phục dịch của bà.

Bà mẹ có thể không đến với cô bé mỗi khi nó gọi. Bà có thể đáp trả lời mời gọi đầu tiên một cách vui vẻ và hãy bảo với nó rằng bà đang bận công việc nấu ăn. Khi cô bé gọi lần nữa, bà có thể không cần trả lời. Cả hai có thể chơi trò chơi này. Cô bé có thể thét lên, nhưng bà mẹ có thể giả vờ rằng bà đang bận rộn với việc bà phải làm, nên nếu muốn, cô bé phải đến với bà. Bà mẹ có quyền tiếp tục công việc và cũng có bốn phận phải giáo dục cô bé biết trọng kính những nhu cầu của hoàn cảnh lúc bấy giờ. Cô bé không có quyền đòi đi bách bộ bất cứ khi nào nó muốn. Nó phải khám phá ra những lợi ích của việc chấp nhận trật tự và những nhu cầu của hoàn cảnh. Sẽ có thời gian được sắp xếp cho việc đi bách bộ. Nếu nó đến và xin mẹ dắt đi bách bộ, bà mẹ có thể trả lời:

- Bây giờ không phải là thời gian để đi bách bộ, cô bé ơi!

Thế là xong. Không thành vấn đề cô bé sẽ làm gì, bà mẹ vẫn cứ cứng rắn và tiếp tục làm công việc của mình.

Lm. Lê văn Quảng, tiến sĩ tâm lý

VỀ MỤC LỤC

GIẤC MƠ XUÂN

Ca dao Việt Nam có câu: **"Đố ai nằm ngủ không mơ?"** Câu ấy mang ngầm ý nghĩa là ai ngủ thì cũng mơ cả. Vậy mà có nhiều người nói rằng họ không biết mơ là gì, hay ít nhất dù có mơ, tỉnh dậy cũng không nhớ gì hết. Tôi không biết những người ấy nghĩ gì; riêng tôi thấy tiếc cho họ, vì trong mơ có nhiều cái dễ thương lắm.

Tôi thì... may mắn có "khả năng" mơ và "khả năng" nhớ những giấc mơ của mình. Tôi mơ... giới đến độ nhắm mắt lại là mơ, mà ngủ... gật cũng mơ luôn. Tôi còn có khả năng "mơ lại", tức là là mơ cùng một giấc mơ nhiều lần; lại có khả năng "mơ tiếp" nữa: đêm hôm trước mơ một đoạn, đêm hôm sau mơ thêm đoạn kế tiếp, y như truyện đăng từng kì trên nhật báo vậy! Lắm lúc tôi cũng băn khoăn tự hỏi mình làm gì mà mơ lắm thế.

Khi mong ước một điều gì mình chưa có, ta gọi là "mơ". Nằm ngủ chiêm bao cũng gọi là "mơ". Như thế, người ta tự hiểu rằng giấc mơ trong khi ngủ phản ánh phần nào suy tư khát vọng của mình. Khi chuyện không xảy ra trong đời sống thực được, người ta đem nó vào giấc mơ. Tôi thương nhớ ai mà không gặp được người đó, tôi đem người đó vào giấc mơ và tôi gặp gỡ họ trong giấc mơ ấy. Tôi mong làm được việc này chuyện nọ mà chưa làm được; trong giấc mơ, tôi làm được tất cả những chuyện đó. Bởi vậy, biết bao người khi mơ thì muốn mơ luôn không dậy nữa, hoặc đã lỡ dậy rồi thì nuối tiếc giấc mơ. Tôi nhớ đến câu hát: **"Tôi đang mơ giấc mộng dài, đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh."** Ở đây, tôi không có ý nói tới những giấc mơ hãi hùng mà người ta gọi là "ác mộng".

Tuy nhiên, giấc mơ không phải chỉ phản ánh những ước mơ trong cuộc sống thực tế hoặc do sự thúc ép của tiềm thức vô thức. Giấc mơ nhiều khi là một lời nhắn bảo, hay một điềm báo. Thánh Giuse, trong giấc mơ, đã thấy thiên thần hiện đến và dặn dò Người phải đem Maria và hài nhi Giêsu sang Ai Cập lánh nạn (Mạt 2: 13). Giuse trong Cựu ước cũng đã giải mộng cho Pharaon, để biết được những điều sắp xảy đến cho đất nước Ai Cập (Kn 41: 17-32).

Tôi không tin những giấc mơ bao giờ cũng là điềm báo một chuyện gì. Bạn tâm với những gì xảy ra trong mơ, người ta sẽ rụt rè e sợ không đâu và vì thế làm hư chuyện thực sự phải làm trong đời sống thực tế. Tôi cũng không phải là người giải mộng, không phải là nhà tâm lí để đi tìm những ẩn ức của chính mình, được thể hiện trong giấc mơ. Tôi cũng không dựa vào những điều thấy trong mơ để mua vé số hay đánh số đề! Tuy nhiên, **tôi hay tìm ý Chúa qua những giấc mơ**. Chúa để cho mọi chuyện xảy đến cho tôi, thì giấc mơ của tôi cũng không ngoài ý Chúa.

Có những giấc mơ tôi thường mơ đi mơ lại nhiều lần. Một trong những giấc mơ đó là giấc mơ "lượm bạc cắc". Trong mơ, tôi thấy trên đường đi, những ai đó đã làm rớt không biết bao nhiêu là bạc cắc. Đứng đâu cũng thấy, nhìn đâu cũng có. Và tôi cúi lưng xuống nhặt, nhặt thỏa thích; nhét đầy túi mà nhìn xuống đất cũng vẫn còn. Có điều những đồng bạc cắc đó không sạch sẽ cho lắm, đồng thì đầy bụi đất, đồng thì dính bùn, đồng thì nằm trên đồng rác... Tỉnh dậy, tôi thường băn khoăn tự hỏi: có phải mình đang sống cuộc sống tầm thường, là dằm dưới đất; đang theo đuổi những mục tiêu thấp kém; đang cúi mình tìm kiếm những lợi lộc thấp hèn, những vinh danh phù ảo?

Có lẽ tôi chưa đứng thẳng dậy, hướng về phía trước, nơi có chân trời nạc sáng. Mắt tôi còn đang mê mải cúi xuống đất đen, kiếm tìm những đồng bạc cắc lấm láp rơi rớt đâu đó. Những băn khoăn và tra vấn lương tâm ấy khiến tôi phản tỉnh. Nếu trước bất cứ mọi chuyện, dù khi mơ hay lúc tỉnh, sau đó tôi đều biết đặt lại vấn đề và đối diện với lương tâm như thế, chắc tôi đã khá hơn nhiều lắm.

Một giấc mơ khác tôi cũng mơ đi mơ lại nhiều lần. Tôi gọi đó là "giấc mơ trần truồng". Trong mơ, tôi thấy mình trần truồng đi giữa những đám đông. Tôi vô cùng xấu hổ, trốnn đầu cũng không được, che đậy thế nào cũng không hết. Và tôi cứ phải đi như thế trước bao nhiêu con mắt dòm ngó của mọi người. Giấc mơ đó cũng khiến tôi nhiều khi tỉnh dậy cảm thấy băn khoăn. Thường tôi hay tự hỏi: lúc này tôi có đang hãnh diện, tự hào về một vài "thành công" tôi đạt được? Có phải tôi đang tự khoác cho mình đủ thứ hào quang lộng lẫy hay trang điểm cho mình bằng đủ thứ khả năng hay đức tính mà chưa chắc tôi đã thực sự có? Nếu quả tôi đang như vậy, thì qua "giấc mơ trần truồng", Chúa nhắc cho tôi biết tôi không là gì. Tôi sinh ra trần truồng và chẳng có gì đáng hãnh diện. Những gì tôi có là quà tặng Chúa gửi cho để tôi chia sẻ với anh chị em khác, nó không phải của riêng tôi, hay của chính tôi, nên tôi không có lí do gì để hãnh diện.

Tôi còn nhiều giấc mơ khác nhưng kể ra đây thì dài dòng lắm. Tôi muốn bạn nhìn về giấc mơ của bạn. Chẳng biết bạn có "khả năng" mơ nhiều và nhớ nhiều như tôi không, nhưng ít nhiều chắc cũng có những giấc mơ bạn nhớ. Nhớ nó, không phải để vui với mộng mà quên thực tế; không phải để bị ám ảnh và lo sợ; cũng không phải để dựa vào nó mà quyết định mua vật nọ, bán vật kia, Nhưng nhớ nó, để tìm hiểu xem, qua nó, mình có điều gì cần phản tỉnh, có vấn đề gì thuộc lãnh vực lương tâm cần xét lại.

Tôi rời bỏ những giấc mơ ngủ để trở về với giấc mơ đời. Có người định nghĩa về tuổi trẻ như sau: "*Tuổi trẻ là tuổi biết ước mơ*." Như thế, mỗi khi ta tự hỏi lòng, mà thấy mình còn biết mơ ước, thì ta cứ yên tâm rằng mình còn đang là tuổi trẻ. Và như thế, mình cứ vui mà sống. Thực sự tuổi trẻ là tuổi có nhiều mơ ước nhất, thể thôi, chứ tuổi nào cũng có ước mơ; và trong hoàn cảnh nào, người ta cũng vẫn ước mơ. Một giáo sư văn chương của tôi nói rằng: "*Con người là sinh vật chân bước trên mặt đất mà mắt ngắm trăng sao*."

Giấc mơ của tuổi trẻ thường là giấc mơ đẹp, trong giấc mơ có hơn có bướm, có chàng hoàng tử xinh trai hay cô công chúa diễm lệ, có một chân trời rực sáng và một cánh cổng tương lai rộng mở. Giấc mơ ấy được gọi là *Giấc Mơ Xuân*, và tuổi trẻ cũng được gọi là *Tuổi Xuân*. Mùa Xuân đẹp như thế nào thì Tuổi Xuân và Giấc Mơ Xuân cũng đẹp như thế. Nếu Tuổi Xuân kéo dài và Giấc Mơ Xuân thành sự thật thì có lẽ người ta đã tìm thấy hạnh phúc và bước chân đã đặt lên ngưỡng cửa thiên đàng.

Có người xem thường những ước mơ, cho đó là điều thiếu thực tế. *Hãy hành động hơn là ngồi mơ ước.* Đó là châm ngôn của họ. Tuy nhiên, nếu không có những ước mơ thì người ta cũng không có động lực biến ước mơ thành sự thật. Bởi thế, theo tôi thì, hãy cứ ước mơ đi, nhưng đừng chìm đắm trong mơ. Hãy thức tỉnh để hoạt động và biến ước mơ thành sự thật. Một nhà tư tưởng đã có câu nói thật dễ thương:

"Ưa mộng mơ, đâu để mộng say lòng,

Theo lí tưởng, nhưng thoát vòng không tưởng."

Nói cho cùng, đời người cũng là một giấc mơ dài. Chúng ta nghe nhiều đến *"giấc mộng kê vàng"*, nằm mộng thấy cả cuộc đời mình mà tỉnh dậy rồi kê chưa chín. Trong "giấc mơ dài" đó, ta đã làm gì, đã sống thế nào, đã thực hiện được chút gì mục tiêu của "giấc mộng dài" đó chưa? Đã gọi là "giấc mơ" thì thế nào cũng có lúc thức tỉnh. Đối với những người ý thức, thì khi thức tỉnh tức là lúc ta đã trốn vạy giấc mơ, để trở về với cuộc sống thật, cuộc sống vĩnh hằng bên Thượng Đế. Hạnh phúc cho ta, nếu trong giấc mơ đời, ta biết mơ về Đấng đã tạo dựng nên ta và gửi ta và giấc mơ tươi đẹp. Nếu trong giấc mơ đời ta không mơ về Thượng Đế, thì khi trở về, ta quên mất Ngài và lòng chỉ lưu luyến với những gì ta đang mơ trong giấc mơ đời. Khi đó, có lẽ Thượng Đế cũng chỉ nhìn ta như một người xa lạ.

Ngày xưa, có lần Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa bướm, tỉnh dậy bâng khuâng tự hỏi không biết mình là người hay là bướm. Mình là người rồi nằm mơ thành bướm, hay mình là bướm và đang nằm mơ là người? Giấc mơ Trang Tử cho ta thấy cái tương đối và hư không của đời sống. Trang Tử đã mơ và đã băn khoăn, giấc mơ và nỗi băn khoăn của một triết gia.

Với tôi, một người Công giáo, tôi không băn khoăn như Trang Tử. Thực ra tôi cũng băn khoăn, nhưng nỗi băn khoăn của tôi nó khác. Giả dụ tôi cũng mơ thành bướm như Trang Tử, nỗi băn khoăn của tôi sẽ thế này: nếu tôi là người, tôi có biết dùng đôi chân để đi trên nẻo đường Chúa đã dẫn lối? Và nếu tôi là bướm, tôi có dùng đôi cánh để bay lượn khắp cả trời Xuân, tìm cho ra Đấng được gọi là Chúa của mùa Xuân bắt diệt?

Tôi yêu những Giấc Mơ Xuân. Tôi yêu những giấc mơ khi ngủ và yêu cả giấc mơ đời. Đời người ta, nếu được dệt bằng những giấc mơ đẹp và ước mơ thần tiên thì đẹp để biết bao nhiêu. Và với tôi, giấc mơ đẹp nhất, ước mơ thần tiên nhất là giấc mơ và ước mơ được luôn gần gũi với Chúa của mùa Xuân.

Nhà Văn Quyên Di

VỀ MỤC LỤC

SỐNG VIÊN MÃN BA LỜI KHẨN DÒNG

Tác phẩm NGƯỜI NỮ TU SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN

tác giả: Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

LỚP THẦN HỌC LIÊN TU SĨ - TÒA GIÁM MỤC BÙI CHU (2008 - 2009)

CHƯƠNG VII : SỐNG VIÊN MÃN BA LỜI KHẨN DÒNG

A. DẪN NHẬP TỔNG QUÁT

I. NỀN TẢNG THÁNH KINH CỦA ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN

1. Vai trò của Thánh Kinh trong việc hiểu đời sống thánh hiến. Trong lời kêu gọi của vài môn đệ sau Phục sinh, Thánh Kinh đóng hai vai trò căn bản này:

- Lời của Đấng Phục sinh sáng tạo những hình thức mới của con đường đồ đệ đi theo Thầy (discipleship) trong cộng đoàn của Ngài. Điều đó quá rõ ràng trong suốt dòng lịch

sử của đời sống thánh hiến.

- Thánh Kinh được sử dụng như nguồn linh hứng và chuẩn mực phê phán tính chính thống của những hình thức cụ thể của con đường修道 đi theo Thầy.

2. Các đặc điểm của lời kêu gọi của Chúa ở trong Thánh Kinh:

- Chúa kêu gọi trong cách thức cá nhân
- Chúa có sáng kiến đi bước đầu
- Chúa tín trung với những ai đã được kêu gọi
- Chúa cung cấp cho chúng ta những ơn cần thiết để đáp trả lời kêu gọi của Ngài (Chúa ban khi Chúa truyền)
- Chúng ta được kêu gọi để phản ánh trung thực đời sống giản dị của Chúa
- Chúa coi trọng cái không là gì và bất xứng để hạ nhục những kẻ chỉ tin vào quyền lực và sự giàu có của họ.
- Sự vụ đòi hỏi phải vất vả, nhưng có sự hiện diện bảo đảm của Chúa.
- Lời kêu gọi của Chúa sinh hoa kết trái trong một đời sống phục vụ.
- Những ai đã đáp trả nhưng có sợ hãi và nghi ngờ, hãy ý thức về sự cao cả của sự vụ và những yếu đuối của con người mình.

3. Năm phần của trình thuật ơn gọi

- Giới thiệu (mặc khải) kèm theo cuộc đối thoại giữa Chúa và con người
- Lời kêu gọi của Chúa
- Phản bác của con người: xác nhận rằng lời kêu gọi đến từ Chúa, con người không tự kêu gọi mình.
- Trả lời của Chúa: Chúa bảo đảm và ký nhận: "Ta sẽ ở với con"
- Kết luận của con người: Con người chấp nhận lời kêu gọi của Chúa.

II. Ý NIỆM VỀ LỜI KHẨN DÒNG

Từ thế kỷ 13, lời khấn Dòng gồm hai khía cạnh: Hứa trọng thể hay cam kết; Biệt riêng ra: hiến dâng chính mình cho Chúa, được Giáo Hội chúc lành và xác nhận.

Chúng ta tìm thấy gì về ý niệm này trong Thánh Kinh?

1. TRONG CỰU ƯỚC

a. Khảo sát đầu tiên: Lời khấn của Giacóp (St 20, 10-22); Lời khấn của Anna (1 Sm 1,1-28); Lời khấn của Giép-tê (Thủ lãnh 11). Hình thức: "Nếu Chúa... thì tôi..." trong bối cảnh có tính cách điều kiện

b. Khảo sát thứ hai

BERIT ("Lời Thề" trong tiếng Do Thái): Một thỏa thuận giữa hai bên. Có hai thứ:

- *Berit (lời thề) đơn phương:* một bên hứa, bên kia không phải làm gì lại, trừ việc tin và chấp nhận lời hứa ấy.

· *Berit song phương hay hổ tương (giao ước)*: Cả hai bên đều hứa với nhau. Trường hợp thất bại không thực hiện được các điều kiện thì sự thỏa thuận bị bãi bỏ. Ví dụ: St 1,1-2,4. Đây là sự thỏa thuận giữa Thiên Chúa và nhân loại?

Đây là những ví dụ khác của Giao Ước?

Lv 27; Dnl 12,6-12; 23,22-24: bàn về một lời khấn hứa: Vật để riêng ra; khấn hứa với Chúa súc vật, hoa quả tiến dâng, đồng ruộng, đồ vật: tất cả những thứ này trở thành thánh thiêng và được sử dụng cho phượng tự.

Ds 6,1-21: Lời thề Nazarite áp đặt một số thực hành: kiêng rượu; không cắt tóc; không đến gần xác chết. Trong tất cả những trường hợp này có: để riêng ra cho Chúa, thề hứa trọng thể, phải được chăm sóc.

2. TRONG TÂN ƯỚC

Trừ lời thề hứa của thánh Phaolô trong Cvđ 21,23-26 (x. Cvđ 18,18) thì Thề hứa không có chỗ trong Tân Ước: Tân Ước không nói tới danh từ Khấn Hứa.

Điều này mời gọi chúng ta tương đối hóa các lời thề hứa trong các khía cạnh thánh thiêng, hiến thánh, như một diễn tả đặc ân của đời sống thánh hiến.

Lk 1,67-79 bắt đầu với berit đơn phương và phát triển thành berit song phương. Thiên Chúa rõ ràng là người khởi xướng.

Lời khấn dòng là một tiến trình. Chúa nắm lấy tôi và tôi thưa "Con là của Chúa": một đáp trả với Chúa, Đấng đã làm một lời thề hứa với tôi.

Lời thề hứa đó bao gồm Đức Tin: Tất cả những gì Chúa đòi hỏi chúng ta là chấp nhận và tin, chứ chúng ta không thể kiểm được hay xứng đáng với tình yêu của Chúa:

Ga 3,16-17: "Vì Chúa đã quá yêu thương thế gian..."; Thiên Chúa thăm thử với thế giới qua con người của Chúa Giêsu cái chữ "TÌNH YÊU"; Điểm nhấn hùng hồn nhất của tình yêu đó là cái chết của Chúa Giêsu trên thập giá: "không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người chết cho người mình yêu..."

Chúng ta được kêu gọi đáp trả trong Tình Yêu và Tự Do: Tình yêu đáp trả Tình yêu. Khấn hứa với Chúa là con đường tôi yêu Chúa trở lại: yêu thương lẫn nhau: "cứ dẫu này mà các con được nhận biết là môn đệ của Thầy"; yêu thương kẻ thù của mình (một sự bắt chước Chúa Giêsu); đáp trả đích thực với Chúa: "con sẽ tự thánh hóa như Cha là thánh" (Mt 19:21): ý nghĩa của THÁNH HIẾN, nghĩa là làm cho nên thánh thiện.

III. CÁC LỜI KHUYÊN PHÚC ÂM TỪ VIỄN ẢNH CỦA GIAO ƯỚC

Đời sống thánh hiến có nền tảng trong Giao Ước. Thiên Chúa đã thiết lập tương quan và một Giao ước với toàn dân và tạo thành. Phần căn bản của Giao ước này là Giới răn yêu thương.

Đời sống thánh hiến nỗ lực sống giao ước và giới răn yêu thương này trong tình yêu độc thân thanh khiết, nghèo khó và vâng phục. Ba lời khuyên Phúc Âm diễn tả sự hiến dâng trọn vẹn cho Giao ước.

Đời sống thánh hiến là đời sống phù hợp với giao ước mới: Thanh khiết biểu lộ tình yêu với tất cả con tim của chúng ta; Vâng lời diễn tả tình yêu với tất cả linh hồn chúng ta; và Khó nghèo diễn tả tình yêu với tất cả sức lực của chúng ta. Nhưng phân tích cho đến cùng thì mọi sự đều qui về một lời khuyên và giới răn là TÌNH YÊU.

Các lời khuyên Phúc Âm phải được hiểu trong viễn ảnh ân sủng, chứ không phải từ chính nỗ lực của chúng ta. Thực hiện một lời khấn trước hết là một quà tặng của Chúa Thánh Thần. Chúng ta được mời gọi lãnh nhận quà tặng đó và để Chúa Thánh Thần mang quà tặng ấy đến sinh hoa kết trái phong phú.

Đời sống thánh hiến được đồng nhất hóa với việc theo Chúa Kitô, bắt chước cách sống của Ngài. Nhưng đằng sau cái đó phải có kinh nghiệm về Chúa Giêsu Kitô là Đấng Cứu Độ.

Chỉ những ai được cứu độ (những ai đã trải nghiệm ơn cứu độ) mới có thể theo gương Chúa Giêsu, nhờ Chúa Thánh Thần ban quyền cho được làm như vậy.

Ba lời khuyên Phúc Âm có liên quan đến và nghịch lại ba lời khuyên khác do thế gian là quyền lực, của cải và giới tính:

- Vâng Phục mời gọi chúng ta từ bỏ quyền lực thế gian để trở nên người phục vụ của Tình Yêu, lắng nghe và hành động không áp bức người khác.
- Khó Nghèo kêu mời chúng ta từ bỏ của cải thế gian để trở nên những người anh chị em nhỏ bé của Tình Yêu, trở nên một với những ai đang đau khổ, cầu nguyện và hành động cho sự giải phóng của họ.
- Thanh Khiết mời gọi chúng ta từ bỏ khoái lạc thế gian để trở nên những người bạn của Tình Yêu, giúp người khác khám phá ra rằng họ đang được yêu và mời gọi họ yêu thương.

“TÔI KHẨN VỚI THIÊN CHÚA”

(khao khát, tìm kiếm, hiến dâng trọn vẹn cho Chúa)

Hiến dâng cho Chúa và Nước Chúa là một quà tặng của Chúa Thánh Thần, đồng thời là một cam kết tự do (chiều kích đặc sủng)

Điều này nhằm tin tưởng, đi theo và bắt chước Chúa Giêsu, trong tình yêu của Ngài đối với Thiên Chúa và tha nhân, “với trọn vẹn con tim (độc thân thanh khiết), với tất cả linh hồn (vâng phục), và với tất cả sức lực (khó nghèo)”, luôn trung thành với giao ước.

Điều này hàm ý: Tìm kiếm Nước Thiên Chúa trong sự công chính của Nước ấy (chiều kích thần bí); Phục vụ Nước Thiên Chúa ở trong Giáo Hội và ở trong thế giới (chiều kích truyền giáo và chính trị); Thiết lập một cộng đoàn khác (thay thế) của Nước Thiên Chúa (chiều kích cộng đoàn); Làm dấu chỉ của Nước Thiên Chúa (chiều kích biểu tượng và tiên tri) và Làm chứng tá cho giao ước mới với tạo thành mới (chiều kích sinh học, môi trường)

IV. GIỚI RĂN VÀ LỜI KHUYÊN PHÚC ÂM

Một người hoàn hảo/thánh thiện sống trong liên hệ với Chúa, kết nối với Chúa, trong khi không tách biệt với dân chúng mà vẫn là duy nhất/hoàn toàn khác với các giá trị của thế gian.

Ý niệm phổ biến của đời sống thánh hiến được tìm thấy trong Đức Ái Hoàn Hảo (Perfectae Caritatis) nói về việc theo đuổi sự hoàn thiện kitô, về “các lời khuyên Phúc Âm”

Giả thiết một phân biệt giữa các giới răn/qui tắc và các lời khuyên:

- Giới răn/Qui tắc (cấp độ thứ nhất): cái bạn phải làm, ràng buộc bất cứ ai; bó buộc vì lợi ích của tất cả mọi người.
- Lời khuyên Phúc Âm (cấp độ thứ nhì): Lợi ích phải giữ, nhưng không bắt buộc (tự ý chọn). Tự do được ân sủng trợ lực, được hứa một phần thưởng đặc biệt.

Đời sống thánh hiến hệ tại một sự tự bó buộc mình phải giữ những lời khuyên không bắt buộc thêm vào những qui tắc cần thiết. Phải chăng đó là sự phân biệt thực sự được tìm thấy trong Phúc Âm? Phải chăng thực sự có thể phân biệt giữa các qui tắc và các lời khuyên trong giáo huấn của Chúa Giêsu được tìm thấy trong các Phúc Âm và các thư của các tông đồ?

Giới răn yêu thương, tâm điểm của luật cũ và luật mới: là đòi hỏi căn bản, cần thiết cho tất cả mọi người; là một qui tắc, nhưng không thể diễn dịch ra bằng công thức pháp lý với những giới hạn cố định của nó được. Nó cũng là một lời khuyên: người ta chọn sống yêu thương, nhưng vẫn sẽ luôn luôn còn xa với lý tưởng.

Một cách nào đó, có thể lấy lời kêu gọi của người thanh niên giàu có trong Mt 19,16-22 để phân biệt giữa giới răn và lời khuyên.

Các ý niệm về qui tắc và lời khuyên dựa trên một tiến trình pháp lý không áp dụng được cho các đòi hỏi Phúc Âm. Tất cả các lời khuyên đều bó buộc, nhưng không như một luật mà

như hậu quả của việc một người sáp nhập vào Chúa Kitô: chọn lựa được thực hiện trong tự do.

Đặt nền tảng các lời khuyên PA trên tự do là cái đặc trưng cho “luật mới”, một luật cho phép người môn đệ của Chúa Kitô được chọn con đường tốt hơn dẫn tới ơn cứu độ và đời sống hoàn hảo, chứ không bị bắt buộc phải làm như vậy.

Mọi kitô hữu đều ở dưới luật của tự do do ân sủng và phấn đấu tìm kiếm ý Thiên Chúa và yêu mến Ngài hết sức mình có thể. “Luật Mới” không thêm gì vào luật luân lý của Cựu Ước (x. Rm 13,10; Gal 5,14). Cái “mới” trong “luật mới” chính là ân sủng hay quyền năng của Chúa Thánh Thần để sống phù hợp với giới răn yêu thương, đồng thời chia sẻ sứ mệnh của Chúa Giêsu là hiến dâng mạng sống vì phần rỗi của thể giới trong khi chu toàn ý muốn của Thiên Chúa.

Chỗ đứng của các lời khuyên Phúc Âm là ở trong vương quốc tình yêu của Thiên Chúa: Tình yêu mà Thiên Chúa đã yêu chúng ta trong Con của Ngài, và bởi tình yêu đó Ngài ban quyền cho chúng ta, nhờ Chúa Thánh Thần, để chúng ta lại sống như Chúa Kitô và với Chúa Kitô.

Giới Răn và Lời Khuyên cùng lúc: Bắt chước Chúa Kitô bằng cách uốn nắn đời mình như một hành động tình yêu là giới răn chung cho mọi kitô hữu. Giới răn này xuất hiện cho một kitô hữu trước tiên như một lời khuyên cá nhân, như một lời mời gọi khuyên nhủ và thúc đẩy của Chúa Thánh Thần. Giới răn và lời khuyên này có thể được sống chỉ nhờ vào ân sủng.

Tính duy nhất và bình đẳng của con đường kitô: Mọi người đã chịu phép Rửa Tội đều phải vượt quá các qui tắc đạo đức của các giới răn nhờ việc rộng mở cho lời mời gọi muôn thuở của Thiên Chúa, hầu làm việc cho phần rỗi của mình.

Con đường của người kitô hữu là con đường của Tám Mối Phúc Thật, chứ không phải là con đường của các giới răn.

Cái cốt yếu của đời sống thánh hiến không còn là lời khấn (chỉ nhìn hạn hẹp về mặt pháp lý) hay là các lời khuyên Phúc Âm (nếu chỉ hiểu chủ yếu theo nghĩa khổ hạnh). Nền tảng của Phúc Âm là việc bắt chước Chúa Kitô, đồng thời chia sẻ con đường và thân phận, công việc rao giảng và cứu độ của Ngài. Chính từ viễn ảnh này mà ba lời khuyên PA đã được nhìn thấy.

Luật căn bản của đời sống thánh hiến là luật của tình anh em và tình chị em. Luật này chỉ được thực thi ở trong các cộng đoàn với qui mô có thể điều hành được.

Các tu sĩ phải sống giữa lòng thế giới. Họ phải sẻ chia thân phận của những ai sống trong thế giới và cùng giao hảo với họ.

V. Ý NIỆM VỀ SỰ THÁNH THIỆN TU SĨ

Là thánh thiện nghĩa là gì? Sống hẳn hoi về mặt luân lý đã đủ chưa? (x. Lk 18,9-14: người pharisiêu và người thu thuế lên Đền thờ cầu nguyện).

Phải chăng các tu sĩ là tốt hơn những người tín hữu kitô khác vì họ sống theo các lời khuyên Phúc Âm? Phải chăng các giới răn thì nói với tất cả mọi người, còn các lời khuyên Phúc Âm thì chỉ nói với một số ít linh hồn được tuyển chọn? Phải chăng chỉ có ba lời khuyên Phúc Âm thôi hay còn nhiều nữa?

Sự thánh thiện kitô không phải chủ yếu ở sự hoàn hảo luân lý và những nhân đức nhân bản anh hùng, nhưng chủ yếu và trong ý nghĩa sâu xa nhất là vinh quang và tình yêu Thiên Chúa ban cho những người được cứu chuộc, mà không cần đến bất cứ công nghiệp nào về phía họ (x. Roma và Galat)

Chỉ một mình Thiên Chúa là thánh: Ngài chính là sự thánh thiện (1 Sm 2,2). Chúa Kitô là thánh trong cả thần tính và nhân tính của Ngài: Ngài là Đấng Thánh duy nhất của Thiên Chúa (x. Ga 6,69)

Sự thánh thiện của chúng ta là một sẻ chia của sự thánh thiện của Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần. Chúa Kitô là « sự thánh hóa » của chúng ta (1 Cor 1,30). « Từ sự sung mãn của Ngài mà chúng ta đã lãnh nhận tất cả, hết ơn này đến ơn khác » (Ga 1,16)

Những ai được Thiên Chúa kêu gọi đến sự thánh thiện không trực tiếp nhận lãnh sự thánh thiện của Chúa Kitô, duy chỉ trong cuộc gặp gỡ tư riêng giữa hai nhân vị, nhưng là nhận lãnh ở trong Giáo Hội (là cộng đoàn của Dân Chúa). Cùng với Giáo Hội và ở trong Giáo Hội, mỗi kitô hữu đứng trước mặt Thiên Chúa, « một mình Ngài là thánh »

Tất cả mọi người đều được kêu gọi đến sự thánh thiện, nói cụ thể là tình yêu trọn hảo, hay chính xác hơn là lòng nhân hậu trọn hảo đối với các cận nhân của mình (x. Mat 5,48; Lk 6,36). Đó là tình yêu hoàn toàn vượt quá sức lực của chúng ta, vì thể chúng ta chỉ có thể đạt được nhờ sự giúp đỡ của ân sủng Chúa. Ân sủng này là ơn thánh hóa cho nên công chính. Ơn này biến đổi một con người, kết hợp người đó với Chúa Kitô, làm cho người đó nên một người con của Thiên Chúa trong Chúa Kitô, được sẻ chia trong bản tính thần linh (sự sống, sự thánh thiện và vinh quang của Thiên Chúa : 2 P 1,4). Đức Tin và Phép Rửa Tội là điều kiện tiên quyết và là nguyên nhân dụng cụ của sự thánh hóa này.

VI. NỀN TU ĐỨC KITÔ CĂN BẢN

Con đường đưa một tín hữu đến ơn cứu độ tùy thuộc cách sâu xa nhất vào sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần và sự thúc đẩy của ân sủng Ngài.

Vì thế, trong mọi lúc và ở mọi tình huống cuộc sống, người tín hữu phải lắng nghe tiếng Chúa Thánh Thần tỏ cho biết ý của Thiên Chúa cho mình và vâng theo. Sự vâng lời này là cái mà Phúc Âm gọi là tôn thờ Chúa Cha trong tinh thần và trong chân lý (x. Ga 4,23), và có nghĩa là tuyệt đối mở lòng ra cho Chúa và tuyệt đối ngoan ngoãn với Ngài.

Đi theo con đường nên thánh này có nghĩa là đi theo Chúa Kitô nghèo khó và khiêm nhường vác lấy Thập giá. Trên con đường này, nhiệm vụ chính của người kitô hữu là có một đức tin sống động khơi nguồn hy vọng và hành động với tình yêu.

Theo LG 42, Tình Yêu = Bác Ái là quà tặng đầu tiên và rất cần thiết được biểu lộ ra bằng: Tử đạo, Trinh khiết, Khó nghèo và Vâng lời.

Theo 1 Cor 12,1-14,40, Tình Yêu = Bác Ái là quà tặng đầu tiên và hết sức cần thiết. Các đặc sủng luôn liên hệ tới tình yêu = bác ái :

- *đặc sủng thuyết giáo* : tông đồ, ngôn sứ, thầy dạy, thánh sử và khuyên bảo, linh hứng, xuất thần, nói các thứ tiếng và những đường lối khác để tuyên xưng đức tin.
- *đặc sủng phục vụ bác ái* : Phó tế, người chăm sóc bệnh nhân, bổ thí, giúp đỡ cô nhi góa phụ. Chữa bệnh, trừ quỷ và các kiểu giúp đỡ khác.
- *đặc sủng cai quản* : các chủ chăn (Giám mục, linh mục).

VII. BỐN CỘT TRỤ CHỐNG ĐỠ BA LỜI KHẨN DÒNG: CHÚA GIÊSU, PHÚC ÂM, CỘNG ĐOÀN VÀ CHỨNG TÁ SỨ VỤ TRUYỀN GIÁO

1. Cột trụ thứ nhất: CHÚA GIÊSU

Đặt trọng tâm vào Chúa Giêsu và theo sát dấu chân của Ngài: Chúa Giêsu là trung tâm của Nước Trời và như chính Nước Trời. Chúa Giêsu là diễn tả tình yêu của Chúa Cha (Mk 10,45; Ga 15,9). Chỉ Chúa Giêsu là Chủ, là người lãnh đạo (Mt 23,8-10), là "Đường, Sự Thật và Sự Sống" (Ga 14,6). Chúa Giêsu là Chúa Chiên Lành đã hiến mạng sống vì đoàn chiên (Ga 10, 1-18). Chúa Giêsu là Thầy và là Chúa: "Các con gọi Ta là Thầy là Chúa, và quả đúng như vậy" (Ga 13,13-14)

Để suy tư và chia sẻ: Chúa Giêsu là ai đối với tôi? Đây là hình ảnh tôi có về Ngài? Đây là hình ảnh Thánh Kinh về Chúa Giêsu có ý nghĩa nhất cho tôi trong cuộc sống và ơn gọi của tôi bây giờ? Hình ảnh tôi có về Chúa Giêsu có thay đổi theo năm tháng trải qua những kinh nghiệm sống đa dạng của tôi không?

Mỗi người môn đệ đều được gọi từ trong hoàn cảnh đặc biệt và đường lối riêng của mình để: ở với Chúa Giêsu (Mk 3,13); đi theo Chúa Giêsu (Mk 1,17); Chúa Giêsu ở đâu thì ở đó với Ngài (Ga 12,26); Khẳng định Chúa Giêsu là cuộc sống của mình (Gal 2,20); ở lại trong Chúa Giêsu và trong tình yêu của Ngài (Ga 15,4.9), với đôi mắt luôn chăm nhìn vào Ngài (Dt 12,2): Tư thế chiêm niệm của người đồ đệ.

Tư thế chiêm niệm này và tất cả sự gắn bó với Chúa Giêsu làm cho người đồ đệ có khả năng sống một đời sống tử bỏ vì Nước Trời (Mk 8,34; 9,1; Mt 10,37-39)

Sự ưu tiên tuyệt đối cho Chúa Giêsu sẽ đòi hỏi người đồ đệ rời bỏ gia đình, của cải và địa vị (Mt 10,24), vài quyết định quyết liệt (Mk 9,43-47), kể cả bách hại và cái chết (Mt 24,9).

Cường lực cánh chung phù hợp với cột trụ này: chưa phải là một thực tại, mới là cái nhìn thoáng thấy trong điều kiện tốt nhất, nhưng là một trông đợi, một nỗ lực đi gấp đến ngày của Chúa (2 Pt 3,12); mời gọi chúng ta tỉnh thức (1 Pt 2,11); ra ngoài (Dt 13,12-14), hành trình; thuộc về một cộng đoàn đang được hình thành để chúng ta hợp tiếng kêu lên "Maranatha, lạy Chúa Giêsu xin hãy đến!" (Kh 22,17-20).

2. Cột trụ thứ hai: PHÚC ÂM

Phúc Âm như là Sứ điệp được chuẩn bị bởi lịch sử dân Israel, được rao giảng đầy đủ bởi Chúa Giêsu và được vang vọng trong lời giảng của các tông đồ, mà Nội dung là sự ngự đến của Nước Trời của Chúa Giêsu. Nhân loại cần phải nhận ra sứ điệp và nội dung đó.

a. Tin Mừng đã được chuẩn bị bởi lịch sử dân Israel: con người không thể kiện toàn chính mình, cứu độ chính mình bởi sức riêng mình. Chính Chúa Giêsu đã nói rằng con người vốn xấu (Mt 7,11), nguồn gốc sự dữ ở trong lòng con người (Mk 7,21-23), và cả khi con người đã làm tất cả những gì có thể làm thì đối với chủ của mình, con người vẫn là một "tôi tớ vô dụng" (Lk 17,7-10).

Thánh Gioan cũng nói đến một điểm tương tự: nói rằng mình không có tội là bảo Thiên Chúa là một kẻ nói dối (1 Ga 1,8-10). Thánh Phaolô cũng nói đến trong giáo thuyết về sự công chính hóa nhờ đức tin của ngài. Quả thật, Thiên Chúa đã biểu lộ sự chấp nhận vô điều kiện của Ngài đối với những người nghèo hèn, chống đối, bất lực, tội lỗi, thù nghịch và ban cách nhưng không cho họ ơn cứu rỗi của Ngài (ở bình diện cá nhân cũng như toàn thể nhân loại).

b. Tin Mừng được rao giảng đầy đủ bởi Chúa Giêsu: sự bất lực căn để của con người và Tình thương nhân hậu của Thiên Chúa. Thiên Chúa cứu độ không vì lý do nào khác ngoài Chính Ngài (Mt 5,43-48). Chính trên nền móng nghèo hèn này của nhân loại mà mầu nhiệm của Thiên Chúa "ngự trong ánh sáng siêu phàm" (1 Tm 6,16). Ngài đã không tha chính Con của Ngài (Rm 8,32), nhưng "ã ban chính người Con đó cho thế gian (Ga 3,16).

Phúc Âm gợi lên hai động thái nội tâm:

- Tỏ lòng thán phục trước Phúc Âm, diễn tả trong ca ngợi và tạ ơn vì niềm vui vừa khám phá được.
- Chăm chỉ lắng nghe hay Vâng phục Phúc Âm (Rm 10,16) dẫn đến sự Hoán Cải của con người, một sự thay đổi con tim và đức tin vào tin mừng (Mk 1,15), trong bối cảnh một cá nhân, cộng đoàn và hoàn cảnh lịch sử [đó là ý nghĩa Thánh Kinh sâu xa nhất của từ ngữ Vâng phục]

c. Tin Mừng được vọng lại trong lời giảng của các tông đồ. Thí dụ về kinh nghiệm hoán cải: CVTđ 16,11-15.

Vâng phục Phúc Âm trở thành kỳ vọng, trung tín, kiên vững (tầm quan trọng của tất cả những đề tài này rất được biết đến trong lời giảng của Chúa Giêsu).

Đời sống thánh hiến không thể tồn tại nếu không qui chiếu vào Phúc Âm của Chúa Giêsu Kitô. Chính là qua Phúc Âm mà chúng ta biết được Chúa Giêsu và sứ vụ của Ngài. Chính nhờ Phúc Âm mà chúng ta chiêm ngắm mỗi ngày trong cầu nguyện và phụng vụ để tương quan của chúng ta với Chúa Kitô Phục sinh được đào sâu.

Như thế, hai cột trụ Chúa Giêsu và Phúc Âm nối kết chặt chẽ với nhau.

3. Cột trụ thứ ba: CỘNG ĐOÀN

Quan điểm Dothái-Kitô giáo về đức tin và đời sống kitô là căn bản có tính cách cộng đoàn. Đó là cộng đoàn tu, khởi đầu với hình thức tu đạo rất gần gũi với việc thực hiện lý

tưởng cộng đồng của Tân Ước, như được tìm thấy trong các đoạn Thánh Kinh sau đây:

- Mt 18
- Cvtđ 2,42-44; 4,32-34
- 1 Cor 12,4-30

a. Bản chất: Cộng đoàn tự nó được hiểu như Giáo Hội, một kết quả của một cuộc triệu tập của tiếng gọi thần linh nhằm thiết lập một sự tụ họp. Cuộc tụ họp này bao gồm: sự đa dạng của các ân ban, ơn gọi, phận vụ, và nhiều sự bổ túc đa dạng; một thân mình duy nhất mà cấu trúc là chính Chúa Kitô và tính năng động của đời sống và Thần Khí của Ngài (1 Cor 12). Nguồn gốc của cộng đoàn và kiểu mẫu của hiệp nhất là sự hiệp nhất của Chúa Cha và Chúa Con (Ga 17, 21-22) sống trong một không gian cụ thể, toàn thể mẫu nhiệm về Giáo Hội.

b. Các nhiệm vụ chính yếu: Trở nên một cộng đoàn lắng nghe và vâng phục; cuộc tụ tập được thực hiện khi ở giữa nó vang lên Lời Chúa và lời dạy của các tông đồ trong viễn ảnh giao ước mới (Cvtđ 2,42); Trở nên một cộng đoàn tuyên tín khi hồi tưởng và cử hành việc "tưởng niệm" các kỳ công của Thiên Chúa trong lịch sử Israel và của Chúa Giêsu. Đó là một tụ họp để tạ ơn (Thánh Thể) và ca ngợi được hiện tại hóa bằng việc lắng nghe và tuyên xưng cái gì đó về lý tưởng của cộng đoàn đầu tiên.

c. Luật nền tảng: "Hãy yêu thương cận nhân như chính mình" (Mk 12,28-34; Rm 13,8-10): Việc thực hành hiệu quả luật nền tảng này phân biệt rõ các môn đệ của Chúa Giêsu (Ga 13,34-35), bao gồm những việc phục vụ cụ thể sẽ được đền đáp (Mk 9,41; 1Ga 3,17-18), nâng đỡ lẫn nhau (Eph 4,2), yêu thương kẻ thù (Mt 5,43-48; Rm 12,20), không xét đoán (Mt 7, 1-2; Rm 14,4-10), luôn luôn tha thứ (Mt 6,14-15; Col 3,13; Eph 4,32)

Nhờ đó mà sống thắm đậm vừa tình người vừa tình kitô, ở đó có sự hiện diện của chính Chúa (Mt 18,20) và của Thần Khí của Ngài (Rm 5,5). Do đó, đời sống cầu nguyện cá nhân và cộng đoàn là thiết yếu.

d. Các cơ cấu: Vì là nhiều nên cần có: những dịch vụ phối hợp, lãnh đạo để tạo dễ dàng, khích lệ, nâng đỡ Sứ Vụ trong các hình thức đa dạng của các hoạt động tông đồ (1 Th 5,12; 1 Cor 16,16; Dt 13,17); sự bình đẳng huynh đệ của mọi thành viên (Mt 23,8-12; 18,1-4,10). Vâng phục là ưu tiên đối với chương trình của Chúa, bao gồm sự chấp nhận kẻ khác trong sự khác biệt và tự do của họ, ý muốn làm vui lòng họ (Rm 15,2) và giúp đỡ phục vụ lẫn nhau trong tình thương (Gal 5,13).

Cộng đoàn kitô (Giáo Hội) dựa trên 1 Cor 12,28:

- **Các Tông đồ:**
- **kế vị: các giám mục**
- **tình trạng: thẩm quyền Giáo Hội**
- **phận vụ: giáo thuyết vững chắc dựa trên tông truyền, chủ sự Phụng vụ và ban hành các bí tích, bảo đảm sự duy nhất trong xác tín liên quan đến đức tin và luân lý,**
- **những mối nguy hiểm: hấp thụ các sứ vụ đặc sủng vào trong phận vụ giáo sĩ, trở nên đình trệ trong các hình thức/đường lối truyền thống và kết thúc ở tệ quan liêu.**
- **Các Tiên tri:**
- **kế vị: các tiên tri cá biệt, các nhóm cơ cấu (cộng đoàn tu sĩ)**
- **tình trạng: sứ vụ đặc sủng**
- **phận vụ: biện phân ý Chúa cho Giáo Hội hôm nay, đọc ra các thời triệu; giới thiệu kiểu mẫu mới của những người theo Chúa Kitô trong các tình huống mới của xã hội, chính trị và kinh tế; đóng vai trò chỉnh sửa về khuynh hướng quá ham tiện nghi trong Giáo Hội.**
- **những mối nguy hiểm: không muốn để mình chịu thử thách và thử nghiệm bởi thẩm quyền Giáo Hội; quên đi rằng sứ vụ này nhằm phục vụ hạnh phúc của toàn thể Giáo Hội chứ không phải để độc tài.**

- **Các Thầy dạy:**
- **kế vị: các nhà thần học**
- **tình trạng: sứ vụ đặc sủng**
- **phận vụ: trách nhiệm về sự đi qua của truyền thống giáo lý và Lời Chúa; chú giải truyền thống bằng cách cung cấp kiểu mẫu mới cho việc chú giải.**
- **những mối nguy hiểm: trở thành cái loa của hệ thống phẩm trật; tự phụ là phận vụ giảng dạy chính thức của Giáo Hội.**

e. Dụng cụ chia sẻ (Cvtd 2,44; 4,32) bao gồm: Từ bỏ của cải vì cộng đoàn và vì lợi ích của sứ vụ, do đó không ai phải bận cùng (Cvtd 4,34); Lời của Chúa Giêsu cho mọi tín hữu được thực hiện (Mk 10,21); Đặt niềm tin không đúng vào của cải vật chất là nguyên nhân của lo âu/ bận tâm (Mk 6,25-34), lừa dối/quyền rũ (Mk 4,19), một kho tàng giả (Mt 6,19-21); Bốn phận giải phóng người nghèo cũng là nhiệm vụ của người môn đệ (bao gồm cả việc chia sẻ với người nghèo).

f. Đời sống độc thân và cộng đoàn: Từ bỏ hôn nhân vì Nước Trời là động lực tu trì (Mt 19,10-12; 1Cor 7,25-35). Sự thân mật với Chúa Giêsu tràn xuống trên các mối tương quan của mỗi thành viên trong cộng đoàn và trong sứ vụ.

4. Cột trụ thứ tư: CHỨNG TÁ / SỨ VỤ

Sứ vụ tông đồ kết nối với sự kế nhiệm tông đồ (những người kế vị các tông đồ và các cộng sự viên của họ: các tu sĩ chỉ nhận lãnh sứ vụ tông đồ trong một đường lối chung chung). Lời cầu nguyện như mối liên hệ thường xuyên với Chúa Giêsu là thiết yếu cho cam kết và sứ vụ của mỗi người.

Sống chết cho sứ vụ là thái độ Lắng Nghe và Đối Thoại của chúng ta, không phải chỉ cho các cá nhân, mà là cho các nền văn hóa và tôn giáo, như Chúa Giêsu đã chỉ trong cuộc gặp gỡ với người bà Samaritana (Ga 4,1-41). Chúa Giêsu nhận ra trong những người xứ Samaria sự hiện diện của các giá trị văn hóa khả dĩ làm cho họ mở lòng ra với Tin Mừng. Vì thế, chúng ta được kêu gọi phát huy thái độ căn bản này trong sứ vụ tông đồ của chúng ta.

Thái độ của chúng ta phải là thái độ của Chúa Kitô, Đấng đã tự làm cho mình ra không khỏi thần tính để trở nên giống mỗi người trong chúng ta (Phil 2,5tt), để liên đới với nhân loại (thái độ căn bản cần thiết cho cột trụ thứ tư này).

Lắng Nghe, Đối Thoại, Hiện Diện và Liên Đới là những chiều kích quan trọng của Sứ Vụ và Chứng Tá.

5. Nhận định Tổng quát

a. Ba Phương Hướng giải thích/áp dụng Các Hình Thức Cam Kết và Dâng Hiến:

Sứ Vụ căn bản của cộng đoàn là: Có mặt cụ thể ở giữa lòng Giáo Hội và thế giới; Sống như những môn đệ của Chúa Giêsu giống như cộng đoàn của Công vụ tông đồ hoặc giống chính Chúa Giêsu ở Nazareth; Tìm kiếm Thiên Chúa, rao giảng và cử hành Phúc Âm và quyền năng của Phúc Âm qua đời sống và lời nói, yêu thương lẫn nhau, chỉ có một con tim/một linh hồn, tiếp đón và phục vụ tất cả mọi người, đó là CHỨNG TÁ mà cộng đoàn đã được kêu gọi thực hiện. Đó là sứ vụ của cộng đoàn (Ga 13,35), để làm vinh danh Chúa vì ánh sáng đó đã được đặt ở trên giá đèn (Mt 5,14-16)

Thừa tác vụ: Việc phục vụ của linh mục là trung tâm. Sứ vụ được thấy rõ trong việc được sai đi và được ủy thác của các môn đệ hầu rao giảng Phúc Âm cho thế giới. Sứ vụ của các môn đệ là loan báo việc Nước Trời sắp đến và sự hoán cải cần thiết; chỉ bảo cho cuộc hành trình và lời hứa sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần trong cơn bắt bớ (Mt 10; 1 Cor 9,16; 1 Cor 2,2).

Phục vụ bác ái: Thích hợp hơn cho giới phụ nữ, đặc biệt các Hội Dòng được sinh ra trong thời đại mới. **Nhiệm vụ là: Phục vụ những người nhỏ bé nhất ở giữa cộng đoàn của mình (Mt 25,34-46); Qui tụ họ lại, chăm sóc họ, đào tạo họ, nghĩa là thực**

thi tình yêu thương hữu hiệu (1 Ga 3,17; Gc 7,14-17), “viếng thăm cô nhi quả phụ” (Gc 1,27). Trong phương hướng này, chúng ta tìm thấy tất cả các dịch vụ giáo dục, từ thiện, y tế, đồng thời hiện diện giữa những người nhỏ bé và nghèo hèn, cả những đấu tranh cho công bằng và thắng tiến nhân phẩm.

b. Kết luận

Bản thiết kế được trình bày qua cấu trúc “chỗ cư ngụ” cho chúng ta một cái nhìn tổng thể về đời sống thánh hiến. Không còn phải là ba lời khấn Dòng đứng ở trung tâm, nhưng là bốn cột trụ: Việc đi theo Chúa Giêsu, Phúc Âm, Cộng đoàn và Chứng tá / Truyền giáo. Kết cấu này đi theo một logic của đời sống dựa trên nhiều bản văn Thánh Kinh.

Đây là chiều kích hàng dọc: tương quan của chúng ta với Thiên Chúa siêu việt nhập thể nơi Chúa Giêsu. Chúng ta không thể nói về đời sống thánh hiến mà không đặt ưu tiên cho chiều kích hàng dọc này, vốn là cái định nghĩa cho đời sống thánh hiến.

Cột trụ “Cộng đoàn” bao gồm chiều kích tương quan liên nhân vị, cũng như chiều kích kinh tế (của cải vật chất), chính trị (cộng đoàn và quyền bính) và các khía cạnh giới tính (độc thân thánh hiến) như được sống trong một nền văn hóa đặc thù.

Sứ vụ truyền giáo quan tâm đến tương quan tương thuộc của chúng ta với Giáo Hội và thế giới. Hai cột trụ sau cùng này mô tả chiều kích hàng ngang của đời sống thánh hiến, là cái đưa chúng ta hội nhập vào trong một thực tại cụ thể của thế giới.

Các giá trị phù hợp với ba lời khấn không vắng bóng trong bản thiết kế này. Thực ra cả ba lời khấn đều hội nhập trong đó, nhưng tùy theo một thể quân bình khác, hơn kém và được biến đổi cho những giá trị trọng tâm hơn, đặc biệt liên quan đến đức vâng lời (không còn là ‘tùng phục’ nữa, mà là ‘vâng phục phúc âm thực sự’)

Bản thiết kế này điều chỉnh một số quan điểm thu gọn và làm sáng tỏ ý nghĩa và vai trò việc hiến dâng của chúng ta. Nền tảng Phúc âm của đời sống thánh hiến không khác nền tảng phúc âm của tất cả mọi cuộc sống kitô. Chính là sự chọn lựa lối sống làm nên sự khác biệt.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

PHÒNG NGỪA RỦI RO NẮNG HẠ

Nói đến rủi ro cái nóng của một số ngày Hè thì không những các nhà y học quan tâm mà nắng gắt cũng được tao nhân mặc khách diễn tả.

Cụ Nguyễn Khuyến đã viết về nắng Hè như sau:

"Ai sui con cuốc gọi vào hè

Cái nóng nung người, nóng nóng ghê".

Nhà thơ Trần Văn Lệ thì cảm thấy :

« Nước mắt hình như đang bốc hơi »

vì

« Hôm nay nóng quá, nắng bùng sôi »

Nắng nóng đến nỗi nung đốt cả người và làm cho nước mắt cũng phải bốc hơi như các nhà thơ tả lại thì quả là « quá quắt » lắm.

Nhưng có lẽ cũng không oan. Vì y học đã chứng minh là có nhiều rủi ro này trên sức khỏe con người.

Nắng là ánh sáng mang thêm sức nóng của mặt trời trực tiếp chiếu xuống. Bình thường

thì nắng bức tăng dần từ sáng tới cao độ là trưa rồi giảm dần tới chiều và ban đêm.

Khi ta sống trong không gian quá nóng thì cơ thể sẽ có một số phản ứng để làm bớt nóng. Đó là:

Mạch máu giãn nở, máu dồn nhiều tới da khiến nhiệt phân tán đi. Các hạch mồ hôi hoạt động mạnh, mồ hôi tiết ra nhiều, bốc hơi làm giảm nhiệt trong cơ thể.

Khi nhiệt độ thay đổi mà các cơ chế trên không điều hòa thích nghi được hoặc khi có những nguy cơ tăng, giảm nhiệt khác thì một số bệnh liên quan tới sức nóng sẽ xảy ra.

Các bệnh do nắng gây ra

Các tai nạn này thường xảy ra vào mùa hè khi khí trời vừa nóng vừa ẩm. Lý do là sự ẩm thấp của không khí trì hoãn bốc hơi trên da.

Người già và em bé thường hay bị hơn tuổi khác vì sức đề kháng với bệnh kém hữu hiệu. Riêng nữ giới dường như ít gặp rủi ro này hơn nam giới vì quý bà quý cô hiểu rõ khả năng chịu đựng cho nên sớm tránh né trước khi lâm nguy.

Tia nắng có thể xuyên qua lớp da không quần áo làm tổn thương cho các phân tử DNA, nhiễm thể của tế bào da. Tia cực tím của nắng gắt vào mùa Hè dễ làm da tổn thương, đưa tới mau già, ung thư da.

Sau đây là một số bệnh do nắng gây ra:

1- Ban đỏ da

Phơi lâu trong nắng, da sẽ mẩn đỏ, ngứa. Tuyến mồ hôi bị tắc, nở to, bể vỡ tạo ra những mụn nước nhỏ trên da. Tiếp tục phơi nắng lâu hơn thì da sẽ bị viêm, đôi khi nhiễm độc.

Để tránh khó chịu này, cần mặc quần áo rộng che cả thân hình, tránh nắng quá độ.

Khi đã nổi ban, thoa và uống thuốc chống dị ứng như Bénadryl hoặc bôi kem Caladryl.

2- Chuột rút

Trường hợp này xảy ra ngay sau khi hoạt động mạnh dưới trời nắng, đổ mồ hôi nhiều mà lại không uống nước có đủ chất muối để thay thế. Các bắp thịt lớn, như ở bắp chân, ở bụng sẽ co rút gây ra đau nhức mà ta gọi là chuột rút (Cramp).

Để tránh chuột rút, cần uống nước có pha muối sodium trong thời gian vận động.

Không nên dùng muối viên vì muối làm sót bao tử đồng thời nước vẫn chưa được thay thế.

3- Ngất xỉu

Hơi nóng có thể làm ngất xỉu vì mạch máu ngoại vi giãn nở, giảm lượng máu trở lại tim và lên não bộ đồng thời đổ mồ hôi nhiều đưa đến thiếu nước.

Để tránh rủi ro này, không nên phơi nắng quá lâu. Khi cảm thấy có thể bị xỉu thì di chuyển ngay vào chỗ có bóng mát và nhớ uống nhiều nước.

4- Kiệt sức

Nhiều nhà chuyên môn tin tưởng rằng kiệt sức sẽ đưa tới trúng cảm nhiệt (Heat stroke).

Người bị kiệt sức không có dấu hiệu thần kinh nhưng bị nhức đầu, chóng mặt, ói mửa, mệt mỏi, đau nhức các bắp thịt. Hơi nóng làm cơ thể mất nước, thiếu muối vì đổ mồ hôi quá nhiều.

Lực sĩ vận động cật lực, người lao động chân tay quá sức trong môi trường nóng bức mà lại không uống đầy đủ nước là hay bị kiệt sức vì nóng.

Ngoài ra, quý lão niên đang dùng thuốc lợi tiểu để trị cao huyết áp cũng thường hay bị rắc rối này.

Để tránh kiệt sức vì nắng, nên uống nhiều nước có muối và rời khỏi nơi nắng gắt ngay.

5- Trúng cảm nhiệt

Đây là một cấp cứu sinh tử, bệnh nhân cần được điều trị tức thì tại bệnh viện với các phương tiện hữu hiệu. Nếu chậm trễ, nạn nhân có thể bị thiệt mạng.

Trúng nhiệt (heat stroke) xảy ra khi cơ thể tiếp cận với sức nóng quá lâu mà bộ phận điều hòa thân nhiệt bị tràn ngập, không có khả năng thích nghi được với sức nóng.

Sau đây là một số yếu tố làm gia tăng nguy cơ trúng nhiệt:

a- Người cao tuổi, người đang bệnh hoạn suy nhược, người mập béo hoặc khi sống tĩnh tại trong căn phòng hầm hời, nóng ẩm.

b- Trẻ em trúng cảm nhiệt khi ngồi trong xe hơi cha mẹ dưới ánh nắng gay gắt.

c- Khi ở trong nắng mà uống nhiều rượu, có bệnh tim, bị khử nước (dehydrated).

đ- Khi đang dùng một vài dược phẩm như thuốc chống dị ứng, thuốc chữa bệnh tâm thần, thuốc ngủ.

Dấu hiệu đầu tiên là bệnh nhân đổ mồ hôi rất nhiều (rồi một lúc sau lại ngưng), nhiệt độ tăng cao có khi tới 41° C, da nóng và khô, khó thở, tim đập nhanh, huyết áp giảm, tính tình cáu kỉnh, gầy gò, có ảo giác nghe nhìn các sự việc không có thật. Trường hợp nặng có thể đưa đến tổn thương não bộ, kinh phong, liệt bán thân, hôn mê, đôi khi chết.

Trong khi chờ đợi xe cấp cứu đưa đi bệnh viện, việc quan trọng tức thì là phải làm hạ nhiệt độ trong người nạn nhân:

a- Di chuyển họ vào nằm ở chỗ mát râm, cắt bỏ quần áo để máu huyết lưu thông và cơ thể thoáng thoát.

b- Dùng khăn phủ khăn thấm nước lạnh lên cơ thể.

c- Hướng gió quạt vào người nạn nhân, nhất là nơi máu lưu thông nhiều như nách, háng, cổ, để phân tán hơi nóng.

đ- Nhiều chuyên viên khuyên không nên cho nạn nhân uống nước vào lúc này.

e- Không nên cho uống thuốc hạ nhiệt như Tylenol, Aspirin vì thuốc có thể gây thêm tổn thương cho lá gan.

Phòng bệnh hơn chữa bệnh

Kinh nghiệm thường khuyên phòng bệnh hơn chữa bệnh. Các rắc rối vì hơi nóng thường hay tái phát cho nên phòng ngừa lại càng quan trọng hơn.

Sau đây là một số dự phòng:

1- Nếu biết là sẽ phải làm việc dưới nắng gắt thì trước đó vài ngày tiếp xúc dần dần với nắng để cơ thể quen đi.

2- Không nên cố gắng quá sức mình khi làm việc trong trời nắng. Khi cảm thấy có triệu chứng rắc rối, ngưng công việc ngay và tránh vào chỗ bóng mát nghỉ ít phút cho khỏe.

3- Uống nhiều nước pha muối trong khi ở ngoài nắng;

4- Tránh nhiều cà phê, rượu vì những thứ này làm đi tiểu tiện nhiều khiến cơ thể mất nước;

5- Mặc quần áo rộng rãi thoải mái, vải xốp, màu nhạt để tránh giữ nhiệt và để thấm mồ hôi.

Vải ka ki màu xanh lơ là tốt vì nó phân tán chứ không hút sức nóng.

Tránh vải làm bằng hợp chất như nylon, polyester.

Mỗi khi áo ướt sũng mồ hôi thì thay áo khô ngay.

6- Dùng đội nón rộng vành, mắt mang kính râm.

8- Bôi kem chống nắng có độ bảo vệ cao (SPF 20 tới 30). Độ SPF càng cao, sự bảo vệ da

càng lâu.

9- Du di thời khóa biểu làm việc, nhiều giờ vào buổi sáng và xế chiều; trưa nghỉ ngơi vài giờ vừa tránh nắng vừa dưỡng sức.

10- Không để trẻ em đợi trong xe dưới trời nắng dù đã xuống kính xe vì nhiệt độ trong xe có thể lên tới 65°C (150°F)

11- Tránh tập luyện cơ thể giữa buổi trưa vừa nóng vừa ẩm thấp.

Uống nhiều nước trước khi, trong khi và sau khi tập, chứ đừng đợi tới khi khát mới uống.

Khi đang bị nóng sốt, không tập luyện vì nhiệt độ sinh ra do sự vận động cơ bắp sẽ tăng nhiệt độ trong cơ thể.

12- Làm việc dưới nắng bức, lâu lâu nên nghỉ tay, vào bóng râm thư giãn một lúc, “uống ly chanh đường” uống ly nước lạnh cho “phê” mát rồi hãy tiếp tục.

Kết luận

Khi nói tới ảnh hưởng của sức nắng gay gắt thì ta có thể ví cơ thể với cái đầu máy xe hơi. Nếu cả hai đều có nhiệt độ quá cao thì sẽ có khó khăn, trục trặc.

Biết trước để tránh sự quá nóng là điều khôn ngoan. Vì khi cơ thể đã bị trúng nhiệt rồi thì chẳng khác gì ta đang lái chiếc xe mà nước trong bình giải nhiệt đã sôi cạn, máy sắp bốc cháy, chỉ đủ sức lết tới nghĩa địa xe phế thải.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức M.D. Texas-Hoa Kỳ ([www:nguyenyduc.com](http://www.nguyenyduc.com))

VỀ MỤC LỤC

ĐA NGHI NHƯ...TÀO THẢO - *Chuyện phiếm của Gã Siêu*

Ông bố nọ chẳng biết phải làm thế nào đối với đứa con trai thuộc vào hàng ngỗ nghịch của mình. Một cụ già đã đến và góp ý :

- Cứ cưới vợ cho nó là xong tuốt. Chỉ có vợ mới trị được nó mà thôi.

Trong một bữa nhậu lai rai, anh bạn gã bèn phán một câu thuộc vào hàng “ranh ngôn”. Anh ta bảo :

- Đờn bà làm hư đờn ông...

Rồi sau đó, anh ta nói tiếp :

- Tổ nói là phải có sách và tổ mách là phải có chứng hản hoi. Này nhé, sách Sáng Thế Ký đã chẳng kể lại thuở ban đầu chỉ có mỗi cặp vợ chồng Adong Eva trong vườn địa đàng. Eva nghe lời con rắn mà ăn trái cấm, rồi sau đó lại dụ khị Adong cùng ăn, nên bây giờ con cháu loài người mới phải khổ khổ xất bát xang bang.

Tuy nhiên, một anh bạn khác bèn sửa lưng :

- Nói làm hư thì hơi bị quá, nhưng nói làm...thay đổi đờn ông thì có lý hơn.

Nói rồi anh ta rút trong túi một bài báo và đưa cho mọi người cùng xem. Gã nhìn kỹ, thì mới hay đó là mục vui...vui của Hữu Thái sư tằm, được anh ta cắt ra từ tờ Kiến Thức Ngày Nay. Bài báo ấy mang tựa đề “Chồng là ai?”, nội dung đại khái như thế này :

- Chồng là người trước khi cưới có thể ngồi hàng giờ nghe bạn ba hoa những câu chuyện không đầu không cuối, nhưng sau khi cưới lại thích người khác phải nghe mình.

- Chồng là người trước khi cưới thường đến chỗ hẹn sớm, nhưng sau khi cưới lại về nhà muộn hơn.

- Chồng là người trước khi cưới thường tặng hoa hồng cho người yêu, nhưng sau khi cưới lại đưa lương cho vợ.

- Chồng là người trước khi cưới thường giữ đúng lời hứa, nhưng sau khi cưới lại hay thất hứa.

- Chồng là người trước khi cưới giống như một thiên thần, nhưng sau khi cưới lại giống như một ông chủ.

- Chồng là người trước khi cưới thường để ý đến khuôn mặt người yêu xem có xinh đẹp hay không, nhưng sau khi cưới lại hay để ý xem vợ có biết nấu nướng hay không ?

- Chồng là người trước khi cưới thường chú ý ăn mặc chải chuốt trước mặt người yêu, nhưng sau khi cưới đã biến thành một kẻ luộm thuộm và cầu thả.

- Chồng là người trước khi cưới thường khen cô vợ tương lai của mình là đẹp nhất, nhưng sau khi cưới lại hay khen...cô vợ anh hàng xóm.

- Chồng là người trước khi cưới mỗi khi đi chơi thì trong ví có rất nhiều tiền, nhưng sau khi cưới trong ví chỉ còn vài đồng xu lẻ.

- Chồng là người trước khi cưới có chuyện gì cũng muốn tâm sự, nhưng sau khi cưới thường thu mình lại một chỗ để trầm lắng suy tư.

Chờ cho mọi người xem xong, anh ta phán tiếp :

- Các ông thấy chưa, kinh nghiệm xương máu ấy đã chứng tỏ rằng vợ đã làm hư chồng.

Gã không muốn cãi lại anh bạn này, nhưng trong bụng thì lại nghĩ khác : rất nhiều ông chồng được như ngày nay là do sự dạy bảo của bà vợ :

- Dù không sinh đẻ ra ta,

Nhưng công nuôi dưỡng thật là lớn lao.

Khi ta đau ốm xanh xao,

Vợ lo chăm sóc hồng hào khỏe ngay.

Sợ ta đi trật đường rầy,

Vợ liền theo dõi kéo ngay về nhà.

Khi ta tán tỉnh ba hoa,

Vợ liền "quát nạt" để mà răn đe.

Lời vợ dạy phải lắng nghe,

Mai sau "khôn lớn" mà khoe mọi người.

Gã mới nhận được một cái "meo" do một anh bạn từ bên Mỹ gửi về. Trong cái meo ấy anh bạn đã tâm sự, dấm ngực mình mà thú nhận như sau :

Tớ cũng có lần đã "khùng bố vợ". Nhưng lý do khủng bố của tớ hình như do phong tục tập quán của đa số người Việt. Nói thẳng ra là chịu ảnh hưởng của Nho giáo và của gia đình, người chồng bao giờ cũng "oai" hơn vợ một chút : Phu xướng phụ tùy, tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử mà...

Tuy nhiên, bây giờ tớ không còn mang quan niệm đó nữa vì nhiều lý do. Đôi khi được vợ nhờ làm việc này việc kia, hay tự ý làm những việc vợ thường làm, cũng cảm thấy...sung sướng tự hào!!!

Mưa dầm thấm đất, dạy mãi cũng phải ăn nờ. Những bà vợ anh hùng và kiên nhẫn như

vậy thực đáng được thưởng huân chương vì "sự nghiệp trăm năm trồng người", đã thành công và góp phần rất lớn trong việc "nuôi chồng khỏe, dạy chồng ngoan".

Sau đó anh ta còn đưa ra hai mẫu chuyện để nói cho mọi người được biết : từ một con ngựa chứng, anh ta đã trở nên thuần thực, thiếu điều "vợ gọi thì dạ, bẩm bà em đây" như thế nào.

Mẫu chuyện thứ nhất hoàn toàn có thực :

Hồi còn là bần cố nông, tôi quen một anh chàng trung úy bộ đội ở sát nhà tôi. Một hôm anh ta rủ :

- Vợ tôi kêu tôi đi chợ, anh có đi cho vui hay không ?

Tôi trả lời :

- Đi thì đi.

Anh ta chở tôi trên chiếc xe Honda cũ, quần xắn xắn lên tới đầu gối, chân vẫn đi đôi dép râu, đầu vẫn đội chiếc nón cối. Vào chợ, anh ta mua đủ thứ, nào thịt cá, nào rau quả, và thứ nào anh ta cũng cò kè trả giá, từ thấp nhất lên cao dần... Tôi đi đằng sau, chăm chú quan sát.

Trên đường về, tôi nói :

- Anh hay ca tụng những người bộ đội cần cù và siêng năng, cũng như hay ca tụng những người vợ đảm đang và trung thành, nhưng cái tài đi chợ thay vợ và trả giá khi mua bán, tôi chưa được nghe lần nào. Bây giờ tôi mới biết miền Nam thua miền Bắc là vì thế.

Và anh ta đã thêm vào mẫu chuyện này một lời bàn, tựa như lời bàn của Kim Thánh Thán trong Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa :

Trước năm 1975, người miền Nam thường phân biệt việc của chồng và việc của vợ. Nhưng bây giờ thì khác, ngay cả ở bên Mỹ. Như vậy là người chồng ở miền Bắc đã đi trước một bước.

Mẫu chuyện thứ hai hoàn toàn tưởng tượng :

Ngày kia, hai ông bà nọ, dù rất già, nhưng lại được điểm phúc lần lượt qua đời. Ông đi trước, còn bà thì đi sau. Khi lên tới cổng thiên đàng, câu đầu tiên bà hỏi thánh Phêrô là :

- Xin ngài cho con biết nhà con đang ở khu nào ?

Thánh Phêrô bèn hỏi lại :

- Sao bà biết chắc chắn là chồng bà đã được lên thiên đàng rồi ?

Bà thản nhiên trả lời :

- Sở dĩ như vậy vì trong suốt năm mươi năm chung sống, nhà con không bao giờ cãi lại con một lời. Bảo cái gì làm cái nấy. Hơn thế nữa, lại còn làm trong hồ hởi, phấn khởi. Vậy thì chỉ có nước lên thiên đàng chứ còn đi đâu được nữa.

Thánh Phêrô bèn đeo cặp kính lão, tra cứu sổ danh bộ các thánh nam nữ rồi nói :

- Tôi hỏi bà là hỏi vậy. Tôi tra cứu chẳng qua chỉ là để làm theo đúng thủ tục hành chánh mà thôi. Bởi vì, chẳng cần phải hỏi cũng như chẳng cần phải tra cứu, tôi cũng biết hiện giờ ông chồng của bà đang được ở chung một khu với các thánh...tử đạo.

Xem đó gã thấy làm một anh chồng ngoan cũng gặp phải nhiều nỗi gian nan rắc rối và cũng không phải là chuyện dễ dàng chi. Có thể nói được rằng mỗi hy sinh khi vâng lời vợ sẽ là một giọt máu tử đạo mà anh chồng ngoan đổ ra rừng giây và từng phút. Và như vậy đời sống của một anh chồng ngoan chính là một cuộc tử đạo liên tu bất tận.

Tuy nhiên, dù đã ngoan ngoãn đến đâu chẳng nữa, nhiều lúc anh chồng ngoan cũng vẫn phải âm thầm gặm nhấm một nỗi cô đơn và buồn đau của mình, đó là nỗi cô đơn và buồn đau

khi bị nghi ngờ. Đây cũng là điều gã muốn bàn tới trong mục chuyện phiếm hôm nay.

Người là một con vật có trí khôn. Thế nhưng, trí khôn con người lại có giới hạn. Người ta đã biết được nhiều thứ, đồng thời cũng có nhiều thứ người ta chẳng hề biết đến. Giữa không biết và biết chắc chắn, có một tình trạng trung gian, đó là hoài nghi : Có hay không có. Chưa tin và cũng chưa chắc.

Trong việc tìm kiếm chân lý, Descartes đã chủ trương phương pháp hoài nghi (doute méthodique).

Theo ông, chúng ta chỉ có một sự thật căn bản không được hoài nghi, đó là : "Tôi suy tưởng vậy tôi hiện hữu" (Cogito ergo sum). Ngoài sự thật này, chúng ta cần phải tạm thời bỏ ra ngoài vòng xác tín mọi phán quyết khác, phải tạm thời hoài nghi về mọi sự tồn tại hiện có. Phải triệt để nghi ngờ trong khi nghiên cứu về bất cứ vấn đề gì. Như vậy, chúng ta sẽ tránh được những thiên kiến và công việc tìm tòi của chúng ta sẽ được khách quan hơn.

Cũng trong chiều hướng ấy mà nhiều người đã đồng thanh phát biểu :

- Nghi ngờ là phương thể dạy cho chúng ta nhận biết khôn ngoan.
- Nghi ngờ sẽ dẫn chúng ta tới xem xét. Và xem xét sẽ dẫn chúng ta tới chân lý.
- Để có được một xác tín, thì chúng ta phải bắt đầu bằng việc nghi ngờ.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là phần lý thuyết mang nặng tính cách triết học. Còn trong phạm vi đời sống, nhất là đời sống vợ chồng, sự nghi ngờ là như một con sâu đất, cắn đứt dần những chiếc rễ yêu thương và làm cho cuộc sống trở nên ngột ngạt.

Thực vậy, trong đời thường đề cao cảnh giác là việc tốt, nhưng nếu thường xuyên nghi ngờ nhau lại là chuyện khác. Nó sẽ là đầu mối gây nên những tội lỗi khác.

Vì nghi ngờ, mà không còn dành cho nhau những tình cảm tốt đẹp. Và khi tình cảm tốt đẹp không còn nữa, người ta dễ dàng nói hành nói xấu, bỏ vạ cáo gian và làm mất danh dự của nhau : Một mất mười ngờ là vậy.

Kẻ đa nghi là kẻ có tính hay ngờ vực người khác. Và một khuôn mặt tiêu biểu cho tính đa nghi, chính là khuôn mặt của Tào Tháo.

Theo điển tích thì Tào Tháo là một quyền thần đời Hậu Hán (155-220), tự là Mạnh Đức, nổi tiếng là kẻ mưu mô xảo quyệt. Đời Hán Đế được phong chức thừa tướng vì có công diệt trừ Đổng Trác. Nhưng về sau, Tào Tháo lại chuyên quyền. Trong thì bắt ép vua Hán Hiến Đế, ngoài thì kết bè đảng và vây cánh.

Tào Tháo cùng với Tôn Quyền và Lưu Bị chia ba thiên hạ nước Tàu, tức là đời Tam Quốc. Tào Tháo đánh nhau với Tôn Quyền và Lưu Bị trong mấy năm liền, nhưng không thống nhất được nước Tàu. Tào Tháo lại phế Hiến Đế, tính việc lâu dài, nhưng không may thọ bệnh rồi chết.

Sau con trai là Tào Phi chiếm ngôi nhà Hán, xưng đế hiệu, tôn Tào Tháo làm Ngụy Vũ Đế.

Vì hay làm những điều xảo trá, nên Tào Tháo có tính hay ngờ vực tất cả mọi người, ngay cả con ruột của mình mà cũng vẫn phải để ý, dò xét từng ly từng tí.

Ấy vậy cho nên người đời thường bảo :

- Đa nghi như Tào Tháo.

Kinh nghiệm đời thường cho thấy : chị vợ vốn là đồn bà con gái. Mà đã là đồn bà con gái thì vốn dạt dào tình cảm, lấy trái tim của mình làm điểm trung tâm. Mọi lý lẽ đều bắt nguồn từ trái tim và trái tim, như bàn dân thiên hạ đã biết, có những lý lẽ riêng của nó, đến quý thần cũng không lường nổi.

Hơn thế nữa, Thượng Đế lại trao ban cho phe đồn bà con gái một trực giác nhạy bén, khéo đánh hơi để tìm ra sự thật. Vì thế, những anh chồng lỡ dại đi...xơi phở tái, hay lỡ dại đeo bông bồ nhí, khó mà thoát khỏi cặp mắt điệp viên của chị vợ. Bất kỳ một đổi thay nhỏ bé nào

cũng lọt vào tầm ngắm, hay nằm trong vòng phủ sóng của chị vợ, chẳng sai trật chút nào

Với một trái tim đầy ắp những yêu thương, cùng với một trực giác thật nhạy bén, nên gã không hề ngạc nhiên khi thấy các chị vợ rất dễ dàng mắc phải chứng bệnh...đa nghi.

Trong một cuộc hội nghị bàn tròn, bàn vuông hay bàn méo gì đó, các chị vợ đã trao đổi ý kiến với nhau một cách hăng say, chung chủ đề "Phải cảnh giác cao với ông xã của mình".

Những ý kiến này đã được ghi âm lén, rồi sau đó đã được tác giả Hương Lan "nghe ngóng kiu cũng như lụm lặt" và đăng tải trên báo Phụ Nữ Chủ Nhật số 5, ra ngày 04 tháng 02 năm 2007 với tựa đề "Khám bệnh cho chàng".

Đại khái các chị vợ đã đưa ra mười trường hợp đáng nghi ngờ, cần phải làm cho ra ngô ra khoai. Mười trường hợp ông xã của mình bỗng "trở chứng" cần phải làm cho ra đầu ra đuôi. Mười trường hợp ấy được diễn tả như sau :

1- Ông xã bạn bỗng dưng trở nên siêng năng một cách đột xuất, khi tự tay giặt và phơi chiếc áo "sơ mi" vừa mới mặc.

**Hãy coi chừng : có lẽ chàng muốn xóa sạch dấu vết nào đó trên áo chàng ?
Chẳng hạn như một vết son hay một mùi thơm khác lạ ?**

2- Ông xã của bạn bỗng vội vàng nhấn nút "off" và giải thích vòng vo khi chuông điện thoại di động reo vang. Hay bỗng giật mình đánh thót một cái, khi những tiếng "tít tít" báo có tin nhắn.

Hãy coi chừng : tất cả những thái độ kỳ quặc trên đều xuất phát từ một lý do duy nhất, chàng đang che giấu một bí mật nào đó.

3- Ông xã bạn bỗng có những cử chỉ lăng mạn bất thường, như tặng hoa, khen nịnh vợ, đưa cả nhà đi dạo phố, hay mua vé xem ca nhạc...vào một ngày đẹp trời, nhưng không phải đặc biệt nào đó.

Hãy coi chừng : Phải chăng chàng đã làm gì có lỗi và đang muốn âm thầm chuộc lỗi?

4- Ông xã bỗng gọi điện thoại về nhà sau giờ làm việc và bảo rằng đang ngồi "lai rai" với bạn bè, nhưng không hề nghe thấy những tiếng cười nói ồn ào, tiếng cụng ly "dzô, dzô", tiếng la hét "chăm phần chăm", hay tiếng khua bàn gỗ ghế...như thường lệ. Không gian chung quanh chỉ duy một sự im lặng đáng sợ.

Hãy coi chừng : Thật ra chàng đang ở đâu và đang thì thầm với ai ?

5- Ông xã bạn bỗng chủ động đề nghị đưa bạn đi mua sắm quần áo mới vì quần áo cũ đã quá "đề mốt".

Hãy coi chừng : Chàng bắt đầu so sánh bạn với ai đó rồi đấy.

6- Ông xã của bạn bỗng chăm chút ngoại hình nhiều hơn trước, dù không còn trẻ trung gì nữa : Quần áo, đầu tóc đều láng mượt, giày dép bóng lộn, có thể soi được mặt mình, như trong gương ấy, lại còn bôi thêm chút nước hoa nữa.

Hãy cho chừng : Thật là đáng nghi, chàng ăn vận tề chỉnh như vậy là để hẹn hò, gặp gỡ với ai chẳng ?

7- Ông xã của bạn bỗng không còn mở miệng khen nức nở những món ăn do bạn nấu. Đến bữa, ông ấy lặng lẽ ngồi vào bàn, nhai trệu nhạo, nuốt vội nuốt vàng mà tâm hồn lang thang tận đâu tận đâu.

Hãy coi chừng : Hay là chàng đã chán cơm và đang thèm phở rồi chẳng ?

8- Ông xã của bạn bỗng đeo khẩu trang loại lớn mỗi khi đi ra đường và bảo rằng để che nắng và chống bụi.

Hãy coi chừng : Chỉ có một lời giải thích hợp lý nhất, đó là chàng không muốn bị

người quen nhận ra.

9- Ông xã của bạn bỗng thích húyt sáo hay hát nghêu ngao trong phòng tắm.

Hãy coi chừng : Chuyện gì đã khiến chàng vui sướng đến thế, không kìm hãm nổi mà phải bộc lộ ra bên ngoài.

10- Cuối cùng, nếu ông xã bạn chẳng có dấu hiệu nào đáng để cho bạn nghi ngờ, vẫn chăm chỉ hạt bột, mọi ngày như mọi ngày, thì lại còn đáng nghi ngờ hơn nữa.

Hãy coi chừng : Biết đâu chàng là một "cao thủ võ lâm" trong lãnh vực "ăn vụng và chùi mép".

Tóm lại, ở mọi nơi và trong mọi lúc, nhất cử lưỡng động của anh chồng đều được chị vợ đưa giải phẫu mà tìm hiểu, vác kính lúp mà soi mói, rồi đưa ra giả thuyết này giả thuyết nọ. Và giả thuyết nào cũng đưa tới một kết luận : anh chồng chính là tên tội phạm đáng nghi ngờ.

Tuy nhiên, nếu cứ giam hãm mình trong sự nghi ngờ và cảnh giác như thế, thì chính chị vợ sẽ bị quay quắt và héo hắt, đồng thời còn xúc phạm nặng nề đến người mình yêu thương và đem lại những hậu quả đáng tiếc.

Bởi vì :

- Ai nghi ngờ tức là mời người ta phản bội mình.

- Đối với những người mình yêu thương, thì sự nghi ngờ chính là một sỉ nhục âm thầm.

Trong tình yêu, thay vì nghi ngờ, hãy tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Hãy chứng tỏ rằng mình không sợ bị lừa gạt.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
